NĂM NHÂM-THÂN
SỐ 28

13 FÉVRIER 1932
GIÁ 0$10

AN NAM

TẠP-CHÍ

DÉPOT LÉGAL
RÉSIDENCE SUPÉRIEURE
TONKIN

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

Directeur : NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur : NGÔ-THÚC-ĐỊCH

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 16902



Dépôt légal
Hanoi 18 Février 1932

MISSION TRINH VAN BICH
HANOI

NHỮNG BÀI ĐĂNG TRONG KỲ NÀY :

Đưa mắt nhìn thế-giới hiện-tại và tương-lai.
Hán-văn dẫn-giải.
Một bức bí-thư.

Sỹ-Diện. — Nặng chĩu hai vai giả nợ đời.
Lư-thoa tự-thuật.
Chuyện cảm : Hai đôi giầy.

Hài-văn : Hội hoa-đào.
Thơ. — Dịch thơ chữ Hán và chữ Pháp.
— Song thất lục bát.
Thi-đàn giảng-tập.

Thời-sự
Tôi nói dối bà thì tôi làm kiếp .....
(Xã-hội ba-đào ký)

GIÁ BÁO

Một năm	5$00
Nửa năm	2,60
Một số	0,10

TÒA BÁO

68, Phố hàng Khoai — Hanoi

109

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

CUNG CHÚC TÂN NIÊN

Khẩn-cáo

Bản-chí xin có lời cho để các Ngài có giấy mua năm từ trước biết rằng:

1. — Những Ngài nào mua năm mà đã trả tiền, xin cho biết chỗ ở hiện nay và số tiền đã trả, cùng số báo đã nhận trong khi trước, để Bản-chí được tiện sự gửi tiếp.

2. — Những Ngài nào mua năm mà chưa trả tiền, nếu các Ngài có sẵn lòng mua nữa, cũng xin gửi giấy cho biết, để Bản-chí tiện gửi.

☆☆

Thuộc về sự mãi mại, đối với các nhà Đại-lý, Bản-chí xin định tiền hỏa-hồng như sau này:

1. — Các Ngài nhận bán giúp ở các nơi, xin tính trừ hỏa hồng nhất định là 15%. Bưu-phí về Bản-quán nhận chịu. Mỗi tháng tính tiền giả về một lần.

2 — Ngài nào muốn mua buôn hẳn cho tiện, xin tính trừ phần lợi 20%. Bưu-phí về Bản-quán nhận-chịu. Mỗi lần gửi theo lệ **lĩnh-hóa giao-ngân.**

Các ngài có lòng yêu, cho được rộng đường tiêu-thụ Bản-chí lấy làm cám ơn. Xin miễn sự châm-chước hơn kém.

Kính cáo

An-Nam Tạp-Chí

ĐƯA MẮT NHÌN THẾ-GIỚI HIỆN-TẠI VÀ TƯƠNG-LAI

Cuộc Âu-châu đại chiến vừa qua, ngoài những sự tàn-phá khốc-hại về tài-sản và sinh-mạng, còn làm lay-động cái tấm óc quan-sát và phán-đoán của các người học-giả. Trước kia, trông thấy thế-giới nhờ được công-phu mầu-nhiệm của khoa-học, ngày một gấp bước trên con đường văn-minh tiến-bộ, trong óc mọi người đều chứa-chất những mối kỳ-vọng sâu-xa cho cái tương-lai như hoa như gấm của nhân-loại sau này. Cái hy-vọng ấy, đã theo khói đạn hồi Âu-chiến mà tiêu-diệt đi mất cả. Những công-cuộc của người ta kinh doanh gây-dựng ra trong mấy mươi năm, có thể lại vì tay người ta mà trong giây-phút tàn phá đi, đến nỗi không còn một chút dấu-vết gì để lại. Vì thế mà nghĩ đến vận-mệnh các dân-tộc sau này, dù văn-minh hay man-dã cũng vậy, phần nhiều kẻ thức-giả bất-giác tự-nhiên thấy trong tâm-trí nẩy ra cái quan-niệm hoài-nghi. Ông Valéry, một tay thi-hào Pháp, đã phải ngậm-ngùi than rằng: «Chúng ta là các dân-tộc văn-minh, bây giờ chúng ta mới biết rằng những cái văn-minh của ta, không phải là trường sinh bất-tử. Một nền văn-minh cũng mỏng manh như một đời người mà thôi». (Nous autres, civilisations, nous savons maintenant que nous sommes mortelles... Une civilisation a la même fragilité qu'une vie.)

Cho đến giá-trị phần nhiều các đức hay tính tốt về luân-lý, hình như cũng bị cái quan-niệm hoài-nghi ấy làm cho lay chuyển. Thật thế, nếu không có luân-lý và tư-tưởng khoa-học xui-giục, thì chắc đâu đã gây nên cái vạ tầy trời! «Giá không có biết bao nhiêu là đạo-đức, thì biết bao nhiêu là tội ác ghê gớm kia, chưa chắc đã phát-sinh ra được. Vẫn biết cần phải nhiều thứ khoa-học, nên trong một thời-gian ngắn-ngủi, mới giết được từng ấy sinh-mạng, huỷ-hoại được từng ấy tài sản, tàn-phá được từng ấy đô-thị, nhưng làm nên «công-trạng» ấy, cũng còn cần phải có nhiều đức-tính chứ! Vậy thì, Bác-học và Nghĩa-vụ, công-dụng của các ngươi chẳng cũng còn đáng ngờ lắm sao?». (Savoir et Devoir, vous êtes donc suspects?). Đó cũng là nhời nhà thi-hào Paul Valéry buộc tội cái tư-tưởng khoa-học và các đức-tính luân-lý đã gây nên cho nhân-loại cái vạ tương tàn tương sát dòng dã trong mấy năm trời.

Nay ta thử dùng con mắt hoài-nghi ấy để nhìn cái cảnh-tượng thế-giới hiện-tại và tưởng-tượng cái cục-diện thế-giới tương-lai. Từ lúc khai-thiên lập-địa, hình dạng thế-giới vẫn ngày một thay đổi. Nhất là gần một thế-kỷ nay, cái nhịp canh-cải ấy lại một ngày một gấp. Cứ theo cái nhịp ấy, chưa biết rồi đây, cuộc biến-đổi sẽ đưa thế-giới, sẽ đưa các nước tân-tiến bên Âu, Mỹ đến chỗ nào?

Muốn phỏng-đoán việc tương-lai, ta thường có cái tính quay nhìn về cuộc dĩ-vãng. Nhưng cái quan-niệm của ta đối với lịch-sử, từ trước đến nay, không khỏi có điều nhầm nhặt. Vì bị lao-lung trong cái câu: «*Ở dưới mặt giời, không có gì mới cả*» nên phần nhiều người, mà nhất là trong vòng chính-trị, hay bị xéo vào cái gót xấu của người xưa. Hễ gặp một cảnh-ngộ gì khó-khăn cấp-bách, thường họ không chịu coi cái trường-hợp của mình như một trường-hợp xưa nay chưa từng có, rồi tùy thời liệu thế, mà tìm phương đối-phó, nhưng lại cầu-cứu ngay đến cái tính ký-ức vơ-vẩn, để tìm ra một trường-hợp nào tương-tự ở đời trước, rồi cố gò sao cho cái cách hành-động của mình, phù-hợp với công việc người xưa. Vì thế nên trong vòng chính-trị, ta thường thấy hiện ra cái ảnh-hưởng của lịch

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

sử. Mà cái ảnh-hưởng ấy phần tốt thì ít, phần xấu thì nhiều.

Vậy ta nên biết rằng: lịch-sử chỉ giúp cho biết rõ mành-mối những công việc quá-khứ, nghĩa là các công việc đã xảy ra trong một trường-sở nhất-định. Muốn cho cái gương lịch-sử có bổ-ích cho cuộc hiện tại và tương-lai, tất cần phải sao cho trường-sở mới này cũng giống in hẳn như trường-sở của các công việc đã qua. Nhưng khốn-nỗi, những trường-hợp không bao giờ giống nhau, vì trái-lại với cái định-kiến trên kia, phần nhiều các nhà Bác-học bây giờ đã công-nhận rằng: «Ở dưới mặt giời, không có cái gì là không mới cả.»

Đứng về phương-diện cái quan-niệm mới ấy, giá-trị lịch-sử chẳng qua cũng như quyển nhật-ký ghi-chép những công-việc hành vi của nhân-loại đối phó với quả đất mà mình sinh-tụ ở trên. Rò-xét dần-dần hình diện bề ngoài quả địa-cầu; quan-sát và nghiên-cứu hình-thể riêng từng bộ-phận một; đoán-phỏng và thí-nghiệm rõ ràng những định-lệ về cách chuyển-động của quả-đất; khám-phá ra, rồi tìm phương lợi-dụng những sản vật thiên-nhiên và những kho-tàng hiểm-bí chứa chất ở cái lượt đất mỏng phủ ngoài; đó rút lại những điều ở vào trong phạm-vi công-dụng của lịch-sử.

Nếu ta bằng ở chính-lý mà nói, cái công việc của nhân-loại rút lại chỉ có thế, thì nghĩa-vụ của nhân-loại ắt là phải theo đuổi các công-cuộc ấy cho đến kỳ cùng. Rồi đây, cái trí rò xét suy nghĩ của loài người càng ngày càng thêm tỏ tường đích-thực, cái phạm-vi quyền lực của loài người càng ngày càng thêm mở mang rộng-rãi, mà cái thế-giới tương-lai tất hiển-hiện ra dưới một cảnh-tượng mỗi ngày thêm đẹp thêm tươi. Nhưng thực ra nào có được thế! Các công việc tiến-hóa đã chia loài người ra hai phần có thể bảo là cách nhau một giời một vực. Một phần hình như đã đi gần đến đích, còn một phần hãy còn lếch-thếch chưa vượt ra khỏi bước ban đầu. Cái trình-độ tiến-hóa của nhân-loại không được đều nhau, cho nên phần nhiều các việc xô-xát xung đột thường thường xảy ra là vì thế.

Muốn cho thế-giới được hưởng cái hạnh-phúc hòa-bình tất phải hai phần nhân-loại, phần nọ theo kịp phần kia, mà cùng nhau chen vai khoác-cánh trên con đường tiến-bộ. Nhưng cái giới-hạn phân-biệt hai thời-kỳ ấy cũng khó mà nhìn cho rõ được. Hiện nay, ta chỉ để ý đến một cái hiện-tượng rất đáng nên để ý, là ta đã bắt đầu bước vào cái thế-giới hữu-hạn rồi. (Le monde fini commence) Trên mặt địa-cầu, hầu hết các chỗ đất có thể ở được, đều bị các dân-tộc chiếm cứ hoặc chia tay nhau. Cái thời-kỳ còn có những khu đất bỏ không, cái thời-kỳ tự-do phát-triển (libre expansion) ngày nay đã bế-mạc rồi.

Vậy từ nay, các nước trên thế-giới đã bị đặt vào một cái cảnh địa mới, cảnh-địa ấy làm cho họ không còn có thể tự-do bành trướng ra ngoài cái giới-hạn tự-nhiên. Ví thế, từ nay các dân-tộc muốn khuếch-trương cái thế-lực mình, chỉ còn một cách là thực-hành cái chính-sách *hòa-bình giao-dịch*. Trên trường giao-tế liệt-quốc, sẽ nẩy ra cái tình liên-lạc rất quan-yếu, cần-thiết, bắt buộc các nước phải thay đổi các phương-pháp chính-trị và kinh-tế vẫn nhân-tuần từ trước đến giờ. Trước kia các việc xảy ra ở trong một nước nào, đối với các nước ngoài, có thể coi như bể bắc, bể đông, bất-tương can-thiệp. Bây giờ thì không thế! Một hiện tượng gì, hơi quan-trọng một chút, dù phát sinh ở nước nào cũng vậy, đối với tình-hình toàn thế-giới, tất nhiên cũng có thể gây nên nhiều ảnh-hưởng sâu xa. Trong cái đám nhân-quả vấn-vít như tơ-vương ấy, tuy các nhà đại chính-trị, đại kinh-tế, cũng khó lòng bằng ở một việc mà đoán trước được những vấn-đề có thể theo đấy phát hiện ra trong chốc lát. Các trường-hợp cứ luôn luôn thay đổi như vậy, cho nên các thâm-mưu diệu-kế tuy trù-liệu đã chắc chắn hàng mấy mươi năm tháng, nhiều khi cũng chịu cái số phận bấp-bênh, không khác gì các điều dự-tính trong một cuộc đỏ đen. Tình hình chính-trị thế-giới, gần đây thường hiện ra nhiều vẻ không ngờ, đến nỗi các nhà đầu bạc trong chính-giới, cũng phải bó tay, không thi-thố gì được, cũng vì lẽ đó.

Vả chăng cái lẽ bắt buộc các dân-tộc phải liên-lạc, phải giao-dịch với nhau, không phải chỉ

Hội-đồng hội Tế-Sinh

3 giờ rưỡi chiều ngày chủ-nhật 24 Janvier. Trong nhà nhạc-hội Bờ-Hồ, hội Tế-Sinh họp đại-hội-đồng rất trọng-thể. Trước hai bức vẽ kiểu nhà Dưỡng-Đường và nhà Bảo-Anh, một dãy bàn dài. Bên tả các cụ ban bảo-trợ, bên hữu ban trị-sự tạm-thời, hai ông Lê-thành-Ý Phạm-huy-Lục ngồi ở đầu bàn, ông Trần-văn-Lai ngồi chính giữa. Đối diện, hai hàng hơn trăm chiếc ghế. Các bà các cô hôm nay đến dự khá đông. ngồi thu ở đầu hàng bên trái, nhận thấy mấy người sắc-sảo, nhanh-nhẩu: Bà Lê-Dư, bà Đoàn-tâm-Đan, cô Đào-thị-Thuận, cô Việt-An, cô Thụy-An. Quay lại bên nam-phái, mấy mặt người quen: các ông Nguyễn-văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh, Cung-đình-Quỳ, cụ Phan Thi, ông Ngô-thúc-Địch, ông Đinh-huy-Hạo.. Liếc lên cái bàn nhà báo kia các ông Nguyễn-văn-Đa, Bùi-x-Học, Tế-xuyên... Chen vào các bộ tóc thường, còn có một bộ tóc «học-giả» trên khuôn mặt một chàng thiếu-niên trắng-trẻo.

Tiếng chuông rung. Hội-đồng khai mạc. Ông Lai đứng dậy trình bày công việc ban Trị-sự tạm-thời đã làm. Một hồi vỗ tay! Kế đến việc bàn sửa điều-lệ. Hai ông Cung-đình-Quỳ và Phạm-Tá như đã dự định sẵn, đứng lên phô bầy ý-kiến mình — hăng-hái nhất là ông Tá:

— Tôi xin hỏi Hội có nuôi trẻ-con để hoang không? chờ ông Lai trả lời, ông nói tiếp: Nếu hội cho khai-báo sơ-sài, chẳng hóa là dung-túng cho bọn dâm-ô làm việc bậy đó ư?

Rõ lắm-cắm! xin lỗi ông Tá. Lúc làm bậy, bọn dâm-ô há còn nghĩ đến chỗ gửi hạt máu rơi. Nhưng này lời cô Việt-An lanh-lảnh nói:

— Thưa ông, hội ta cốt ở hai chữ «nhân-đạo», cứ việc gì hợp với «nhân-đạo» thì làm. Sao ông cứ đem những việc tủn-mủn làm mất thì-giờ thế?

— Tôi xin nói thêm câu nữa, lời nói hơi có vẻ giận của ông Tế-Xuyên, trước khi buộc cái tội dung-túng ấy cho hội Tế-Sinh, xin ông Phạm hãy kết tội các nhà chứa, nhà xăm, các hạng người đê-mạt....

Một hồi vỗ tay! Câu chuyện nhỏ, xin hòa!

Đến việc bầu ban trị-sự. Bà Nguyễn-đình-Liên lấy cớ việc Hội nên giao cho nữ-giới làm là phải, ban trị-sự nên trọn toàn các bà; các cô. Mọi người đương mải suy nghĩ, nhanh trí khôn, ông có mái tóc «học-giả» (xin lỗi ông vì tôi không được quen) đã vội quyết tán-thành, cắm đầu vỗ tay «đốp! đốp!» Trong lúc lặng ngắt như tờ, có một hồi vỗ tay rất kêu, nghe cũng thú! — Đối với ý-kiến trên, cử-tọa có phần lưỡng-lự, mấy ông như có vẻ rồi ngỏ ý tán-thành. Cô Việt-An đứng dậy nối lời, xin hội-đồng công-nhận ý kiến này, nói hơi thiên về vấn-đề «nữ-quyền» một chút.

Lúc cô đương nói: Ông tóc «học-giả» gật-gù chêm mấy tiếng dành-dọt: «cám ơn cô!» té ra ông có ý bênh nữ-quyền!

Sau một hồi bàn bạc. Việc sếp-đặt bên trong đã đành, còn việc giao-thiệp bên ngoài? Hội-đồng nhất-định chia đôi trách-nhiệm nặng-nề cho cả hai phái.

Trước hết, mọi người nhất định bầu cụ Cả Mọc làm Chánh-hội-trưởng, tuy cụ hết sức chối từ. Chức Phó-hội-trưởng xin để dành ông Trần-văn-Lai, người có công nhất với hội.

Chánh phó thư ký: ông Cung-đình-Quỳ và bà Đoàn-tâm-Đan, chánh phó thủ-quỹ: bà Phạm-Quỳnh và ông Lê-thàng-Ý, v. v...

Coi vẻ sốt-sắng của các hội-viên, ai cũng mừng cho hội Tế-Sinh có cơ được cùng non-sông vĩnh-viễn.

P. V.

---

thấy riêng ở trong trường kinh-tế mà thôi. Về các phương-diện trí-thức và tinh-thần, cái tinh-thế ấy cũng không tránh khỏi được. Có thế, mới nhờ cái phần riêng của các dân-tộc đem góp vào món gia-tài công-cộng, mà cái nền văn-hóa chung của nhân loại mỗi ngày thêm vẹn vẻ tốt-tươi.

Vậy ta mong rằng: chính-sách vũ-lực từ nay sẽ cùng với thế-giới hiện-tại sa vào trong vực dĩ-vãng, mà chính-sách «hòa-bình giao-dịch» sẽ làm chủ-trương cho cái vận-mạnh của thế-giới tương-lai. Có lẽ cũng vì không chịu công-nhận cái lẽ hiển-nhiên đó, nên nước Nhật mới đem quân đến Mãn Mông; có lẽ cũng vì thế mà các nước Âu, Mỹ mới còn theo đuổi nhau ganh đua nhau trong việc võ-bị.

Giữa lúc ngọn lửa chiến-tranh đương dầm-dộ sắp bốc tung lên ở một phía bầu trời, nói đến cuộc hòa-bình giáo-dịch của các dân-tộc, có lẽ cũng chưa khỏi là một lời bàn phiếm. Nhưng một việc thị vũ điên cuồng trong chốc lát, chưa chắc đã đánh đổ được cái nền hòa-bình vĩnh-viễn của nhân-loại, thì ta cũng biểu đồng-tình cùng cảnh vật mà nuôi mối hi-vọng ở cuộc tương-lai.

Ngô-thúc-ĐỊCH



Hoa-Khôi nước Pháp năm 1932
Cô Lyne Caisson de Souza Cl. A. N.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

HÁN-VĂN DẪN-GIẢI

Kỳ trước đây, An-nam tạp-chí số 27, tôi có bài «*xét về cách dùng chữ đặt câu trong sự học chữ Hán*», đó chỉ mới là bài nói đầu; nay xin bắt đầu thực hành cái công-việc theo như ý trong bài nói ấy, để đối cùng các bạn thanh-niên ta.

Muốn xét về cách dùng chữ đặt câu như thế, là mong có hai điều lợi ích cho sự học: một là để xem các sách, truyện, văn, thư của người khác đặt ra, viết ra, mà mình nhận rõ được ý nghĩa. Hai là để tự mình muốn đặt ra, viết ra những văn, thư, sách, truyện, mà dùng chữ đặt câu không sai. Muốn như thế thời không gì bằng chỉ đem những câu trong sách cổ, mà nhận kỹ từng chữ: chữ ấy thuộc về mối nào, chữ nọ thuộc về mối nào; chữ ấy địa-vị ở trong câu như sao, chữ nọ địa-vị ở trong câu như sao. Tức là cách *analyse* bên chữ Pháp. Trong sự làm *analyse* như thế, chỗ nào văn-pháp của chữ Hán có khác với grammaire bên chữ Pháp, thời ghi tường ngay ở khoảng dưới, đặt làm câu chú ý, mong được tường minh. Ấy là một phần *chính* trong công-việc dẫn-giải. Một phần này công-việc có hạn-định, làm đến đủ thời thôi, mà không được có thiếu.

Ngoài một phần chính ấy, lại có thêm một phần *phụ*, cũng là công-việc dẫn-giải mà chuyên đối với từng chữ, suy tìm những nghĩa khác của chữ ấy; xem rằng: cùng một chữ, ở trong câu này, đặt như thế, là về mối ấy, địa-vị như thế; nếu ở câu khác, đặt như kia, thời về mối nào, địa-vị như sao. Một phần này, công-việc không có hạn-định, rộng hẹp nhiều ít, tùy theo những chữ ở trong câu; khinh trọng phồn dản, bài nọ với bài kia có khác nhau. Hoặc có chữ, cứ nghĩa riêng còn nên nói rộng nhiều, song vì còn phải nhường bớt chỗ cho chữ khác, thời ở trong bài này hãy cứ phu-diễn ra hãy nhiều, còn nghĩa khác lại nói ở bà khác. Như vậy thời các nghĩa riêng của một chữ, tuy không nói hết trong một bài; mà chữ ấy xuất-hiện ở nhiều câu, thời lần lần cũng đến thấu hết vậy. Đó là phần việc làm để rộng thêm cho sự suy xét, tức cũng như phần phụ-giải trong grammaire.

Xin thử bắt đầu làm dẫn-giải một câu trong sách *Mạnh-tử*, tức là câu đã có dẫn ở trong bài nói kỳ trước đây.

Phần chính

子來幾日矣

Tử lai kỷ nhật hỹ.

Anh lại đây đã mấy hôm rồi?

子 — *Tử* — Anh, nhà ngươi. *Pronom pers. 2e personne, sujet* của chữ 來 *lai*

來 — *Lai* — Lại, đi đến *Verbe neutre, participe passé, singulier 2e pers.*

幾 — *Kỷ* — Mấy, bao nhiêu. *Adverbe de quantité, modifie* chữ 日 *nhật*

日 — *Nhật* — Ngày. *Nom commun, pluriel, complément circonstanciel de temps* của chữ 來 *lai.*

矣 — *Hỹ* — Vậy, rồi. Giấu chấm câu, tỏ ý hết nghĩa.

Chú ý

1. — Ở chữ Pháp, *adverbe* không đặt luôn với *nom*, như chữ *combien* mà muốn đặt với chữ *jours* thời phải có một chữ thuộc về mối *préposition* để làm chữ nối (mot de rapport) ở giữa. *Combien de jours.* — Ở chữ Hán thời *adverbe* đặt luôn với *nom* mà không cần có chữ préposition, như chữ 幾 *kỷ* đứng trên chữ 日 *nhật* đây. Phàm đó là chỗ hai thứ chữ có khác nhau. Người hiếu học nên chú ý.

2. — Ở chữ Pháp, giấu *un point* chỉ dùng để đánh chấm hết câu; nếu muốn có tỏ ý hỏi thời phải dùng đến *point d'interrogation* (?). Đó là cách chấm câu nhất định. — Ở chữ Hán, 矣 *hỹ* là một giấu chấm câu tỏ ý *hết nghĩa, quyết định* và có ý *đã qua*; mà như trong câu đây, thời dùng để chấm cuối câu hỏi. Lấy rằng: ở trong câu đã có chữ *kỷ*, là *mấy*, là *bao nhiêu*, đủ tỏ ý về sự hỏi, cho nên dùng chữ *hỹ* để chấm cuối câu cũng là đủ, mà lại hơn các chữ giấu chấm khác về nghĩa *quyết định* và *đã qua*. Vì rằng như câu đây, lời ông Mạnh (thầy) bảo Nhạc-Chính-tử (học-trò) có ý gắt và giận rằng: *Anh đến đây đã bao hôm rồi?* (mà bây giờ mới thấy anh đến tôi!). Vậy thời hữ 矣 *hỹ* đó lại có thể giảng về nghĩa *point d'exclamation* bên chữ Pháp. Ấy các chữ dùng làm giấu chấm câu bên chữ Hán, có ý-nhị riêng và bất-định như thế. Hay ở đó; khó cũng ở đó. Người hiếu học nên chú ý.

Phần phụ

子 — *Tử* — *Pron. pers. 2e personne*, là tiếng thông-thường để gọi trỏ vào người đàn ông, như trong câu đây là lời ông Mạnh gọi trỏ vào Nhạc-Chính-tử. Cũng có khi chữ ấy dùng để gọi trỏ vào người đàn bà, như câu trong kinh *Thi*:

子之不淑。云如之何。

Tử chi bất thục, vân như chi hà!

Cô ơi, cô chẳng hay nào!

Thời thôi còn nói thế nào hỡi cô!

Chữ 子 *tử* đó gọi trỏ vào nàng *Tuyên-Khương* là vợ vua Tuyên-công nước Vệ. Vậy thời chữ ấy thông-dùng cả hai bên đàn ông, đàn-bà, có giống như những chữ *tu, vous* bên chữ Pháp.

Chữ 子 *tử* này hằng khi đứng dưới một chữ *nom prop.* mà chữ *nom prop.* ấy là họ của một người nào, như thế, thời là để gọi trỏ vào người ấy. 孔子。*Khổng-tử*, 孟子。*Mạnh-tử*, 貳子 *Di-tử*, 許子 *Hứa-*

tử... Chữ 子 tử dùng như thế thời chỉ chuyên để nói về bên đàn ông; mà có lẽ ở chữ Pháp không có.

Chữ 子 *tử* là con, thời là về mối *nom*.

來 — *Lai* — Lại, đi đến nơi. Chữ 來 *lai* trong câu đây, là về mối *verbe*. — Hễ khi đứng ở trên một chữ *nom* thời chữ 來 *lai* đó là về mối *adjectif*. 來日 *Lai nhật*, ngày hôm sau; 來年 *lai niên*, năm sau. — Hễ khi có chữ 者 *giả* đặt theo sau thời chữ 來 *lai* đó lại là dùng làm như chữ *nom*. 來者 *Lai giả*, kẻ lại, kẻ sẽ tới, kẻ sau này. 焉知來者之不如今也。 *Yên tri lai-giả chi bất như kim dã*. Biết đâu rằng những kẻ sau này mà rồi lại không được như ngày nay. (Lời đức Khổng trong sách Luận-ngữ).

幾 — *Kỷ* — Mấy, bao nhiêu. Chữ 幾 này đứng trên một chữ *nom*, hoặc một chữ *adj. numéral* mà trỏ nghĩa thành-số (như *mười, trăm, nghìn, vạn*...) thời thường cùng nghĩa như ở trong câu đây. 幾人 *kỷ nhân*, mấy người, bao nhiêu người; 幾里 *kỷ lý*, mấy rặm, bao nhiêu rặm; 幾千人 *kỷ thiên nhân*, mấy ngàn người; 幾萬里 *kỷ vạn lý*, mấy vạn rặm. — Hễ khi đứng trên chữ 何 *hà*, thời chữ kỷ cũng nghĩa thế ấy mà có phần đặm-đà hơn. 曾幾何時而江山不可復識矣 *Tằng kỷ hà thời nhi giang sơn bất khả phục trí hỹ*. Mới bao nhiêu lâu nay mà núi sông không lại nhận được nữa! (Câu trong bài phú Xích-bích). Những chữ 幾 đó đều đọc là *kỷ* mà nghĩa cùng như nhau. Đó là chữ về *adv. de quantité* 幾何 *kỷ hà* thời là *locution adverbiale*.

Chữ 幾 hễ khi đứng ở trên một chữ *verbe* hay là *préposition*, thời âm và nghĩa đều khác hẳn. Khi nào làm dẫn-giải đến câu có chữ ấy, sẽ tường

日 — Nhật — Ngày. Trong câu đây, chữ 日 *nhật* về mối *nom*. — Hễ khi đứng ở trên một chữ *verbe* thời chữ 日 *nhật* đó là *adverbe de temps*. 日知其所亡。 *Nhật tri kỳ sở vô*. Hễ ngày nhận biết cái điều mình không có. (Câu trong Luận-ngữ, lời ông *Tử-hạ*.) — Lại hễ khi hai chữ 日 *nhật* đặt đi luôn nhau. 日日 *nhật nhật*, ngày ngày. Vậy tức là *loc. adverbial* bên chữ Pháp.

矣 — Hỹ — Vậy. Giấu chấm câu có ba sự tỏ ý:

Một là chấm hết ở cuối câu, hoặc dừng ở dữa câu, mà đều để tỏ ý *đã rồi* 今既數月矣 *Kim ký số nguyệt hỹ*. Nay đã vài tháng vậy. (Câu trong sách Mạnh-tử, lời ông Mạnh nói truyện với Kỳ-oa). Chữ *vậy* đó tức là ý tiếng *rồi*. 久矣吾不復夢見周公 *Cửu hỹ ngô bất phục mộng kiến Chu công*. Lâu vậy, ta chẳng lại nằm mơ thấy ông Chu-công. (Câu trong Luận-ngữ, lời đức Khổng) Chữ *vậy* đó cũng tức là *rồi*, mà xưa ta quen đọc nghĩa như thế.

Hai là chấm hết ở cuối câu, hoặc là dừng ở dữa câu mà đều để tỏ ý quyết định。吾生矣 *Ngô sinh hỹ Ta sống vậy* (Câu trong Mạnh-tử, ông Mạnh dẫn lời của Tử-Trac-nhụ-tử). 死矣盆成括 *Tử hỹ Bồn-thành-Quát*! Chết vậy ngươi Bồn-thành-Quát! Đều là sự chưa hẳn đã thế, mà quả quyết rằng tất như thế. — Như hai câu chữ Hán đây, mà nói về sự dịch, thời phải nên dịch là: *Ta sống rồi*! Thằng Bồn-Thành-Quát chết rồi. Chữ *rồi* đó, nghĩa là coi như cái sự đã rồi. Cứ lấy đúng nghĩa hơn thì dịch là chữ *hẳn*. *Ta sống hẳn*! *Bồn-thành-Quát chết hẳn*! Dịch như thế thời nghĩa đúng hơn, song ý-vị kém hay, vì từ-khí không đúng.

Ba là chấm hết ở cuối câu, hoặc dừng ở dữa câu, đều tỏ ý vui, buồn. 甚矣。吾衰矣。 *Thậm hỹ, ngô xuy hỹ*. Quá lắm vậy! ta xuy vậy. Như câu này dịch là: *Ta xuy quá lắm rồi*! Như thế đủ ý.

Tóm lại, thời chữ 矣 *hỹ* so với giấu chấm bên chữ Pháp, gồm cả chức-vị *point, virgule, point d'exclamation*, mà cái ý nghĩa «*quyết định*», và «*đã rồi*» thời là ý-nhị riêng của chữ ấy!

Giở lên các lời dẫn-giải, phần chính phần phụ, thực là tôi đã hết tâm-tư. Lại nhờ được có ông bạn đồng-sự là ông cử Ngô, lại là nhà Tây-học, để chất-chính những điều hồ-nghi, vậy thời may cũng ít sai lỗi. Tuy vậy, một việc làm phiền trọng như đó, khó thể do hai người chúng tôi hợp nhau ý-thức mà mong được như nguyện nào. Vả chăng, một việc dẫn-giải đây, cốt vì sự học Hán-văn mong có ít nhiều bổ ích; không phải là chủ đem hai thứ chữ đối-chiếu văn-pháp, mà khảo về văn-tự đông tây. Cho nên gọi là «*mượn grammaire bên chữ Pháp để giải thích chữ Hán*» vậy. Từ kỳ Tạp-chí này giở đi, cách tiếp mục này thường có; mong rằng các bạn Thanh-niên độc-giả đều sẵn lòng lượng xét đến chỗ đó. May cho ai nhường bao!

Nguyễn-khắc-Hiếu



Phòng chữa mắt
Từ-ngọc-Liên
Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi
chuyên-môn chữa mắt
và bán thuốc đau mắt
Từ-ngọc-Liên rất
hay giá 0$10
và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước
cấp bằng thưởng
Diplôme d'honneur

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NGÀY TẾT LÀ NGÀY ĐÁNG MỪNG HAY ĐÁNG LO

Ngày nào chẳng như ngày nào, tháng nào chẳng như tháng nào.— Tối rồi, rồi lại sáng ra, xuân qua hạ tới thu đà sang đông — Hóa-công cứ ngồi trót vót trên cao, chẳng phải nói năng câu gì mà bốn mùa cứ việc thay đổi, vạn vật cứ việc hóa sinh; đó thật là lẽ huyền-diệu tự-nhiên.

Theo học-thuyết tự-do khám-phá cái lẽ huyền-diệu tự-nhiên ấy, thì, quả đất xoay quanh một vòng đường quỹ-đạo trong 365 ngày là một năm. Mỗi năm tức là một bậc thang sinh-hoạt của đời người, đời người chỉ hạn cho noi theo cái thang có một 100 bậc, như thế là cùng. Cái thang ấy bắc từ mặt đất cho đến đáy hố chết; mà ai cũng phải noi theo, bước dần từng bậc thang một. Mỗi khi quả đất bắt đầu quay vòng khác đường quỹ-đạo tức là thế-nhân bắt đầu bước một bậc thang, mà ta thường gọi là thêm một tuổi.

Phong-tục xứ ta, từ đời «ăn sống uống tươi» tới nay, cứ đến ngày bắt đầu thêm một tuổi thì gọi là ngày Tết, mà là ngày vui-vẻ nhất trong 365 ngày. Cho nên hễ đến ngày ấy thì thiên-hạ vui-vẻ vô cùng, vui vẻ mà có lẽ quên bẵng cuộc tang-thương, mà chỉ biết cùng chúa Xuân hết sức ganh đua muôn hồng nghìn tía.

Ngày Tết, họ vui mừng nhẩy nhót, náo-nức gần xa, ăn uống chơi bời, rồi tìm kiếm những câu diễm-lệ hạnh-phúc, chúc mừng cho nhau: Già thì mừng thêm thọ thêm lộc, quai đôi hàm răng móm nhấm-nhấp thế-vị, dương đôi mắt kính ngắm cuộc đời; trai-trẻ thì mừng mạnh chân khỏe tay, để chen vai thích cánh chợ lợi trường danh, phồng má trợn mắt, nuốt chửng miếng đỉnh-chung; gái mừng đến tuổi lấy vợ, vợ đẹp; gái mừng đến tuổi lấy chồng, chồng ngoan; con trẻ mừng đến tuổi nhớn khôn, khôn; đến tuổi học hành, học.

Đại-lược cái vui mừng ngày Tết bất-ngoại-hồ cái vui mừng ấy. Nói tóm lại, người nào nghèo hèn thì còn nuôi cái hy-vọng giầu sang, người nào giầu sang rồi thì, mong sống lâu như ông Bành-Tổ, 8 nghìn năm là mùa xuân, 8 nghìn năm là mùa thu, hay quá nữa, thì đổi lốt, miễn là cứ đội đá ngồi bắt chàn chữ ngũ tiêu-thụ cho chán miếng đỉnh-chung là mãn-nguyện.

Nói cho đúng ra, cổ nhân đặt ra có ngày Tết vui vầy như vậy, thật cũng có ý-vị lắm. Vì làm ăn cặm cụi xuốt một năm tròn cũng phải có vài ba ngày nghỉ ngơi chân tay, vui mừng cùng tuế-nguyệt, có lẽ nào như con trâu con bò, cứ nai lưng ra kéo cầy mà chỉ quai hàm ra nhai kẽo-kẹt mớ cỏ già hay sao?

Chơi xuân kẻo hết xuân đi,
Cái già sồng sộc nó thì theo sau!

Nhưng mà than ôi! từ lúc lọt lòng oe-oe ba tiếng khóc, Hóa-công đã nhét vào tay cho cái phận sự hẹn ngầm phải làm trong mấy vòng quả đất quanh đường quỹ-đạo, lại sai luôn ông thần Chết kèm thúc bên mình. Người nào khôn ngoan thì được thanh nhàn, mà người nào ngu đần thì phải chịu vất vả.

Thẳng gia bụng, trùng gia lưng, san đi sẻ lại, thế nào mặc dầu, hễ cứ đến hạn là ông thần Chết kéo cổ đi.

Lắm người vội vàng phú quý, lăn lóc công danh; lắm người kiệt lực gánh vác; lắm người sợ việc trốn trước; lại lắm người lười việc quá, lăn ra vệ đường kêu gào cầu cứu. Nói tóm lại, trong một đời dù sang hèn hay dở, hết hạn là ông thần Chết núm lấy phần hồn mang đi, còn phần sác, dù trắng, đen, gày, béo cũng vùi sâu ba thước đất. Hoặc có còn để lại cho thì chỉ để cho cái tiếng «hay» hay «dở» gửi ở miệng người sau.

Người ở đời vẫn cho là ở trong bể khổ, vì phải gánh vác việc đời trong một thời hạn hẹn ngầm của Hóa-công, hòa lẫn bao nhiêu nỗi khóc cười cay đắng. Việc đời được như ý, nào có mấy khi, sở ích cho tâm thân là mấy; ăn bất quá thích khẩu, mặc bất quá ấm thân, nhà cửa lâu đài bất quá mát mặt, ngựa xe võng lọng bất quá đỡ chân, sắc đẹp đủ nuôi con mắt, âm nhạc đủ khoái lỗ tai.

Ăn cơm thịt lo ngay ngáy, ăn cơm với cáy thì ngáy o-o — Con Yến-thử uống nước sông bất quá đầy bụng, chim Tiêu-liêu làm tổ vắt-vẻo rừng xanh bất quá một cành.

Sự nghiệp vĩ-đại như ông Napoléon; văn chương lừng lẫy như ông Victor Hugo, gian hùng như ông Tào-Mạnh-Đức, phóng đãng như Tô-Đông-Pha, giầu như ông Vương-Khải, nghèo như ông Nguyên-Hiến; than ôi! những người thủa trước bây giờ nào đâu?

Đời người như ngựa qua cửa sổ, như bóng hoa sớm nở tối tàn, như bóng phù-du phấp-phới mặt địa-cầu, như hạt thóc rơi sới bể đông. Vậy mỗi khi quả đất bắt đầu quay vòng khác đường quỹ-đạo tức là ngày ông thần chết giục sau lưng bảo: «Mau lên, mau lên!». Đường còn xa, gánh còn nặng, ân oán chưa đền, non sông còn đợi, mái đầu đã bạc, cuộc tang-thương chỉ rình đổi thay, thế mà còn mừng nỗi gì?

Vẫn hay rằng: ngày Tết là ngày kỷ-niệm cho sự sinh-hoạt của nhân-loại, nhưng tôi thiết tưởng ngày Tết tức là cái dấu chấm câu của đời người mà Tạo-hóa nhắc cho ta biết, thì phải nên lo lắng phận-sự của ta phải làm. . . . .

Tây-Viên
Nguyễn-Duy-Tường

VẤN-ĐỀ ĐIỀU-ƯỚC TRONG VIỆC TRUNG-NHẬT CHIẾN-TRANH

MỘT BỨC BÍ-THƯ

Trong việc Trung-Nhật chiến-tranh, cái điều-ước thuộc về quyền-lợi hai nước đã nêu lên một vấn-đề rất quan trọng,

Trước ngày lá cờ «mặt trời» bay phấp phới ở Cẩm-châu, đứng trước Hội-đồng vạn-quốc, Nhật có bầy tỏ cái thái-độ của mình : Nhật sở-dĩ phải đóng-binh ở Mãn-châu là vì Nhật phải dẹp yên bọn «giặc cỏ» đang hoành-hành ở tô-giới Nhật. Đến ngày nay, Nhật vẫn còn viện lẽ đó.

Song, sau khi thế-trận của Nhật đã chàn khắp Đông-tam-Tỉnh, chính phủ Đông-kinh không thể vin cái cớ «dẹp giặc cỏ», một cái cớ nhỏ mọn như thế để bênh-vực thái-độ mình. Chính phủ Đông-kinh viện đến lẽ khác, cái lẽ «phải bình vực quyền-lợi của 203.000 kiều-dân Nhật ở Mãn-châu».

Ngày 26 Octobre, chính-phủ Nhật có điện sang Genève, đại-ý nói: Nhật không chịu lui binh ở đất Mãn về, Nhật còn chờ khi nào Trung-Hoa tỏ nhiều thái-độ hiển nhiên trứng rằng: Trung-Hoa đã biết «kính-trọng cái quyền lợi nhượng cho Nhật trong **các bản điều-ước**» (des preuves positives de son «respect des droits concédés au Japon **par les traités**» Như thế tức là Nhật công-nhiên bình-vực cái thái-độ của mình ở đất Mãn: Nhật sở-dĩ phải đóng binh cũng vì phải theo cái khoản trong «điều ước».

Điều ước nào? Ông Briand ngạc-nhiên. Trong báo Le temps ngày 6 Novembre, ông Briand cho đăng một bức thư của ông gửi cho chính-phủ Nhật:

«...Từ trước đến nay, quan đại-sứ Nhật chỉ nói về các khoản-ước của Nhật tại Mãn-châu. Các khoản-ước đó không đích đáng tý gì đến cái quyền lợi của kiều dân Nhật tại đất Mãn»

Một hôm, tại hội-đồng vạn-quốc, nước Nhật có yêu-cầu biên vào biên bản rằng: từ nay trở đi, «các bản điều-ước phải nên kính-trọng»

Nhân tiện, ông Briand hỏi:

—Kính-trọng các bản điều-ước, thì kính-trọng bản điều-ước nào?

Đại-sứ Nhật trả lời, gọn thon lỏn:

—Tất cả các bản điều-ước,

Hỏi thêm, đại-sứ Nhật trả lời: còn chờ lịnh ở Đông-kinh sang mới có thể nói rõ là bản điều-ước nào được. Hội vạn-quốc không cho câu trả lời đó vào đâu, nên không cho vào biên-bản.

Các bản điều-ước? điều-ước nào?

Trả lời câu hỏi đó, có người coi về đường xe-lửa Nam-mãn, ông Sakamato, người Nhật. Trong cuốn «vấn-đề Mãn-châu» (Affaire de Mandchourie), Sakamato có nói chắc chắn rằng: các bản điều-ước đó có can-hệ đến nền tảng của tình thân, thiện vạn-quốc.

Sakamato kể hai bản điều-ước: điều ước năm 1905 và điều-ước năm 1915. Nói rằng hai, song thực ra chỉ có một, chỉ có bản năm 1915 là dính-dáng đến việc này. Theo lời Sakamato, tờ điều-ước đó là một tờ biên-bản thuộc về tờ-ước ký ở Bắc-bình năm 1905. Trong tờ biên-bản đó có đoạn nói rằng:

« *Về quyền-lợi của Nhật, ở con đường xe lửa Nam-mãn chính-phủ Trung hoa tự cấm-đoán: trước khi chuộc lại con đường xe lửa Nam-mãn, không được làm một con đường sắt nào gần hay ngang với con đường đó, hay là đặt một con đường phụ nào vào con đường đó mà có thể làm thiệt hại đến quyền-lợi của chính-phủ Nhật*», (Le gouvernement chinois s'engage, en vue de protéger les intérêts du chemin de fer de la Mandchourie du Sud, à ne construire, avant qu'il ait recouvré ledit chemin de fer, aucune ligne voisine et parallèle, non plus qu'aucun chemin qui puissent être préjudiciables aux intérêts du chemin de fer ci-dessus dénommé)

Lẽ của Nhật «cứng» lắm. Theo tờ biên-bản đó thì Trung-Hoa không được đặt một con đường sắt nào ngang hay phụ vào con đường xe lửa Nam-mãn, Trung-Hoa không được ngó ngàn gì đến quyền-lợi của Nhật ở con đường xe lửa Nam-mãn. Thế mà từ năm 1925, Trung-Hoa đã đặt bốn con đường sắt gần đó rồi, nay lại đương dự-định đặt thêm nhiều con đường nữa. Ngày nay, Nhật viện tờ biên-bản đó ra, Trung-Hoa đuối lý chỉ còn chờ một ngày kia tự-thú: tôi là kẻ có tội.

Trung-Hoa là «kẻ có tội? Tội hay không, ta chưa biết, ta còn chờ xem tờ biên-bản kia «có thực hay không» đã.

Ông Henri Rohrer (báo Progrès Civique) có đi tìm tờ biên-bản thuộc về điều-ước (1905) đó, và nhân tiện xem cái điều-ước Portsmouth (1905) thuộc về quyền-lợi Nhật ở con đường xe lửa Nam-mãn.

Tờ điều-ước 1905 ký ở Bắc-bình tờ điều ước Portsmouth, bầy ra trước mặt, ông Rohrer dùng kính hiển-vi để soi tìm mãi, mà cũng chẳng thấy khoản-ước đã nói trên kia. Không những thế, ông Rohrer lại hình như tìm thấy nhiều điều trái ngược với khoản-ước đó. Quả vậy, trong tờ hòa ước 1905 chỉ có câu: phải kính-trọng quyền-lợi của Trung-Hoa, dù quyền lợi đó thuộc về chính-trị hay về thương-mại cũng vậy. Trên kia, Nhật nói: theo tờ hòa-ước, 1905 ký ở Bắc-bình Trung-Hoa phải kính trọng quyền-lợi của Nhật, sao trong tờ điều-ước đó lại nói: Nhật phải kính trọng quyền-lợi của Trung-Hoa!

Một sự lạ.

Nhật phải kính-trọng quyền-lợi của Trung, hay Trung phải kính trọng quyền-lợi của Nhật? chưa biết.

Trong việc Quốc-tế có điều gì khuất-khúc chăng? chưa biết.

Ông Rohrer lại phải đi tìm mãi mãi khoản-ước đó trong cuốn «Nước Trung-Hoa và cái luật quốc-tế»

(La Chine et le droit international par Jean Escarra). Trong cuốn đó có một đoạn về các khoản-ước bí-mật, trong « nhà nghề » thường gọi là «bí-thư». Khoản-ước nói trên kia có phải là một tờ bí-thư không? Muốn biết rõ đầu đuôi ông Henri Rohrer lại phải đi phỏng-vấn hai nhà đương-cục Trung và Nhật ở Pháp.

Nhà đương-cục Trung-Hoa, một nhà triết-học, nói: «Chỉ có báo-giới « nước Pháp là chưa biết các điều « bí-ẩn của các tờ bí thư. Điều-« khoản nói trên kia không có « trong hòa-ước. Mà mãi đến năm « 1907, nước Trung-Hoa mới biết « rằng có điều-khoản đó. Năm 1907 « nước Nhật mới viện điều-khoản « đó ra để ngăn ngừa công-cuộc « đặt một con đường sắt Trung-« Hoa ở Nam-Mãn. Chính-phủ Tô-« Nga cũng kéo bè với chính-« phủ Nhật-bản để ngăn-ngừa « công-cuộc đó. Nước Trung-« Hoa tôi đành phải bỏ dở việc « đặt thêm đường sắt mà công-« nhận rằng có điều-khoản đó. « Chúng tôi có lục-lọi các giấy má « để tìm, song chưa tìm thấy, may « có một người thư-ký của một « nhà chính-trị đương-cục có ký « vào điều-ước 1905 có nói với « chúng tôi rằng: điều-khoản đó « có nhắc đến trong lúc hội-nghị « thảo-luận điều ước 1905; song, « người đó không nhớ rằng điều-« khoản đó có ghi trong biên-bản « hay không, hay chẳng qua cũng « là một điều-khoản « nói mồm » « thôi.

« Theo ý tôi, một là Nhật đã tự « đặt ra điều-khoản đó để bình-« vực thái-độ của mình, hai là từ « năm 1907, Nhật đã rút lấy bản « điều-khoản đó ở trong thơ-trát « gửi cho Nhật-sứ trong năm 1905, « mà cố-sức làm cho ai cũng tưởng « đó là một khoản chân-chính « trong tờ hoà-ước ấy ».

« Song cứ thực ra, nước Trung-« Hoa không khi nào nhận có một « bản khế-ước nhục nhã đó ».

Hôm sau, ông Rohrer tìm đến nhà đương-cục Nhật. Nhà đương-cục Nhật có hẹn sẽ gửi cho một bản nói về điều-khoản đó.

Hai ngày hôm sau, ông Rorher có nhận được một bản của Nhật yêu-cầu cải-chính lại một bức điện của chính-phủ Nam-kinh gửi cho Hội-đồng Vạn-quốc. Nhật cải-chính:

« Cứ theo như một bức điện ở « Nam-kinh gửi đi ngày 30 Octobre « Cố-duy-Quân có nói rằng: theo « phương-diện Nhật, Trung-hoa đã « không tuân theo điều-ước mà đặt « nhiều đường sắt ganh với con « đường xe lửa của Nhật, nhưng Cố « không nhận là có những bản điều « ước đó.

«Đại-sứ Nhật tưởng cần phải thanh-« minh rằng nói ca quyet như vậy « viên đại-sứ Trung-hoa đã miệt-thị « hẳn bản điều-ước và các công-« điệp phụ thêm vào điều ước Trung-« Nhật có can-thiệp đến Mãn-châu « ký ngày 22 décembre 1905 . . .

« Vả lại, trong các tờ biên-bản do « hai chính-phủ công-đồng khởi-« thảo, thiêm-ký và công-nhận có « can-hệ đến các khoản-ước trong « ngày 22 Décembre 1905 đã có ghi « chép một khoản rõ ràng rằng:

« *Vì quyền lợi của Nhật ở con đường xe lửa Nam-Mãn, chính-phủ Trung-hoa tự cam-đoan: không được làm một con đường nào phụ-thuộc hay ngang gần với đường xe lửa Nam-mãn mà có thể làm thiệt hại đến quyền-lợi của Nhật*».

Nếu ta có để ý đến mấy câu cuối thì ta sẽ thấy không có câu: « **Trước khi Trung-hoa chưa lấy lại được con đường xe lửa đó** » (avant d'avoir recouvré ledit chemin de fer) không hiểu Nhật vô-tình hay hữu-ý mà bỏ sót một đoạn đó. Nhưng cái sự « bỏ quên » ấy rất là quan hệ, bởi vì theo như giấy hợp-đồng con đường xe lửa Nam-mãn, thì cái kỳ-hạn cho thuê chỉ có 40 năm thôi.

Nhật có ý nhắc đi nhắc lại cái điều-khoản đó, mà thật ra Nhật có cho ai trông thấy tờ bí-thư ghi cái điều-khoản đó đâu,

Ông Henri Rohrer lại tìm. Tìm đâu? Cứ theo bức điện trên kia, thì hai nước Trung Nhật có làm một tờ biên-bản trong đó có ghi một cái điều-khoản thuộc về quyền-lợi của Nhật tại con đường xe lửa Nam-Mãn.

Song tờ biên-bản đó chưa tìm thấy, hoặc là Nhật chưa muốn cho ai trông thấy tờ biên-bản đó chăng?

Ta có thể tin rằng: nếu tờ bí-thư đó một ngày kia lộ ra ánh sáng mặt trời, thì cuộc xung-đột ở Mãn-châu mới dàn xếp được.

Vũ-Lang



GIÁ-TRỊ ĐỜI NGƯỜI

Một nhà bác-học Hồng-Mao, ông F.E. Lawson đem hóa-học phân-chất tấm thân người. Ông lấy một người nặng 65 cân làm trung-bình mà tính rằng thân người ấy có cả thảy:

— nước 45 lít;

— chất mỡ đủ làm 7 bánh sà-phòng;

— thán chất đủ làm 9 nghìn cái ruột bút chì,

— lân-chất đủ làm 2.200 cái đầu diêm;

— chất mĩ (1) đủ làm một liều thuốc tẩy;

— chất sắt bằng một cái đanh nhỡ;

— chất vôi đủ quét một cái trần nhà con;

và sau rốt, một chút diêm-hoàng đủ giết dận cho một con «khuyển»!

Rồi bác-sĩ kết bài diễn-thuyết:

Cứ lấy giá hàng bây giờ mà trị-giá thì tất cả các chất trong tấm thân người ta chỉ bán được 40 hay 50 quan tiền tây. Vậy dù tấm thân một kẻ thái-ngu hay tấm thân nhà bác-học Einstein, lẽ tất-nhiên, cũng chung một giá như nhau cả.»

Đ. H. H.

---

(1) 鎂 Magnésium=Một loài kim dẫn, sắc trắng như bạc, trọng lượng 1, 7, dung độ 631°, đốt lên thấy sáng rực chói mắt, pha với lưu-chất thành một thứ thuốc tẩy gọi là Sel d'Epsom.

SỸ-DIỆN

Năm tôi mười tám tuổi, tôi đã có cái vẻ mặt đứng đắn của con người hai mươi. Nhất là khi khăn áo chỉnh tề, thì các bạc ngàn, người lạ cũng chả dám đánh cuộc rằng tôi còn phải mài quần ở ghế trường học.

Sở dĩ tôi nhớ lại truyện cũ, là vì độ này bên tai tôi ai ai cũng còn nói đến Tết.

Nguyên từ nhà quê tôi ra đến Hà-nội, có hai mươi cây số. Muốn đi xe lửa, thì thuê một hào xe ra ga, lấy vé mất hào bẩy; nhưng nếu sợ phu xe bắt chẹt, thì cứ đứng ở Chợ Đường-cái, mà chờ ô-tô hàng Hưng-yên và Hải-dương đến. Vừa chóng mà chỉ tốn có hai hào rưỡi thôi.

Hôm ấy là mồng hai tháng Giêng, tôi phải ra Hà-nội để lễ Tết người nhà họ.

Tôi chờ ở giữa đường, mãi không có xe qua. Có lẽ vì năm mới, các hãng xe còn nghỉ việc chăng.

Nhưng may quá, đương nóng ruột, thời bỗng có cái ô-tô hòm đi tới, mà đến gần tôi, người tài-xế hãm xe lại, ngó cổ ra, hỏi có đi Hà-nội thì lên. Tôi mừng quá, vội lên ngay.

Các ngài thử tưởng-tượng mà xem, một người ăn mặc lịch-sự như tôi, giầy ban khăn nhiễu, trong gấm ngoài xa-tanh, mà chễm chện ngồi giữa cái xe hòm, thì phỏng ngay các ngài có dám thách chục bạc mà nói dựng đứng rằng: không phải xe nhà tôi không?

Đi được một ít, anh tài xế dặn tôi:

—Đây là xe của ông chủ tôi ở Hải-phòng, hôm qua lên Hà-nội có việc, nay bảo tôi đi đón; vậy giữa đường nhỡ có gặp ai hỏi, thì ông cứ nhận là người nhà tôi:

—Được.

—Ông lên Hà-nội có việc gì?

—Tôi đi lễ Tết, chiều về.

Hôm nay ngày xấu, sao ông đã vội đi xuất-hành thế?

—Nếu cứ chờ ngày tốt, thì còn gì là ngày nghỉ nữa.

Anh Tài thấy tôi nói đến tiếng «nghỉ» cơ chừng anh đoán là tôi cũng đã có địa-vị chi đây, phi ông tham, thì ông phán, ông ký, không cũng ông giáo hẳn,—chứ chắc chả dám đoán tôi là học-trò, cho nên anh hỏi ngay:

—Ông làm gì ở đâu?

Cái sỹ-diện của tôi mới bơm được có một ít, chẳng nhẽ nay tôi lại trả lời thực thà để nó sỵ mất hết a? Tôi liều thụt ngay cho thêm vài nhát nữa, mà đã nói khoác thì tội gì không nói mình thực sang, cho nó bõ chuyến, tôi liền đáp:

—Tôi làm tham-tá phủ Thống-sứ.

Lúc đó, anh Tài quay ngay lại nhìn tôi. Cơ chừng anh ấy không ngờ đâu cái ô-tô của anh ấy đã được hân-hạnh một vị «oai» thế đặt cái quý-đít lên trên, cho nên tuy bụng anh ta không nói ra, nhưng cứ đọc ở đôi con mắt, tôi cũng đoán được là anh ta vừa ngạc nhiên vừa sợ hãi. Quả thực, vì từ đó, mỗi câu nói, anh ta lại: thưa quan, và lại xưng là con nữa.

Thấy thế, tôi tự phụ là tuy ít tuổi, nhưng ra ngoài xã-hội đã khôn khéo hơn người, biết làm cho kẻ khác vị-nể.

Rồi, từ đó đến Hà-nội, trong nửa giờ, tôi cứ hô-hấp, nói năng, cử chỉ một cách tham-tá, mà anh Tài càng nghe tôi nói khoác bao nhiêu, lại càng lễ-phép, khúm-núm bấy nhiêu. Rồi xe vào cầu Đu-me, anh ta nói:

— Bẩm quan, người ta thì đến đầu cầu bên kia, phải xuống ngay, nhưng quan đây thì con vững tâm lắm, con xin đánh xe hầu quan đến tận nhà.

Đấy, các ngài đã phục lăn ra chưa? Cái sỹ-diện của tôi cũng thời-gian mà to dần, cho nên đến các phố, tôi càng lấy dáng bảnh chọe, ta đây kẻ giờ, cái mặt vênh-vênh, cái tay khuỳnh-khuỳnh, con mắt gấp-gay, rõ ra con người khó tính không chịu nổi gió bụi. Xe qua nhà các vị tiểu-thư ngày thường bốn buổi tôi cắp sách qua, các cô còn chổ mắt lên nhìn theo, không biết có phải chính hắn không!

Đến nhà tôi. Xe vừa dừng bánh, thì anh Tài chạy vội ngay xuống để mở cửa. Nhưng về phần Quan Tham thì tính sao? Quan phải chi tiền xe chứ? Lúc bấy giờ Quan mới sực nghĩ ra rằng: trong túi Quan, đếm đi đếm lại, chỉ có đồng tư bạc.

Thì giá các ngài vào địa-vị tôi, các ngài định trả bao nhiêu? Giá từ trước, cứ ngồi cạnh anh tài-xế, đừng chồm chồm như con chó tiền rưỡi ở yên sau, hoặc cứ ngồi yên sau mà nói rằng: tôi học ở trường Cao-đẳng, cũng sỹ-diện chán, mà không nguy-hiểm đến tính-mệnh số tiền tỷ sỉu kia, chết một nỗi làm những Quan Tham mất rồi! Chả nhẽ Quan Tham ngài lại xử-nhọ, đưa bốn hào, hoặc đưa đồng bạc, lại bắt anh Tài trả lại mấy hào, coi không tiện. Thôi đành cắn răng mà lời cả đồng bạc vậy. Ô-hô!

Anh Tài thấy tôi chỉ sang, giơ hai tay ra nâng một cách cung-kính mà rằng:

— Bẩm Quan, năm mới Quan mở hàng, con xin bái-lĩnh.

Nói đoạn, anh vái rồi đánh xe đi, để tôi với cái tham-tá của tôi lại giữa đám cát bay mù.

Xe đi khuất phố; tôi phủi bụi áo, chợt nghĩ đến cái sỹ-diện Quan Tham ban nãy, thôi, nó theo anh tài-xế đi đằng nào mất rồi? Thực là dại! Tiếc quá, được làm Quan Tham trong nửa tiếng đồng hồ, thành ra túi nhẹ mất một đồng bạc!

Thì ra có dại mới nên khôn, nhưng khôn nạn, lúc khôn thì đã dại quách rồi. Tôi nghĩ còn dại hơn anh chàng thiếu niên trong truyện Gil Blas nọ, được là «cái kỳ-quan thứ tám trên thế giới» mà phải trả tiền cơm ăn kẹ cho con chó đói nó ninh mình. Nhưng chàng thiếu-niên ấy còn hơn tôi ở chỗ được người lạ tự-nhiên đến biếu cái sỹ-diện thì mất tiền cũng đáng, chứ mà như tôi, tự mình mua cái sỹ-diện cho mình đến nỗi đánh gẫy mất ba phần tư cơ-nghiệp mới dại làm sao?

Bây giờ tôi lớn lên, nhân nhớ lại truyện cũ mà lại buồn cười. Té ra là hai bên cùng lầm cả, cho nên mới thành câu chuyện. Anh Tài lầm vì anh chỉ biết trọng ông quan Tham, mà anh không biết khinh thằng nói khoác; mà tôi lầm là vì ai lại đi trả đắt cái sỹ-diện đối với những kẻ xét lầm mình!

Ấy cũng chỉ vì người đời đều lầm như anh tài-xế và tôi, cho nên mới đánh giá những cái không đáng quý khí cao quá. Bởi vậy mà xung quanh tôi đây, từ năm ấy đến nay, tôi đã hằng gặp biết bao là tôi và anh tài-xế! Trong những hạng người ấy, không thiếu gì anh to đầu hơn tôi, cỗ râu rồi, có con rồi, có cháu rồi, mà còn dại như đứa trẻ thơ, cố mua hộ một tý sỹ-diện hão hiền.

Các cô tiểu-thư! các cô cứ kệ cái nước da ngăm ngăm cho có duyên, các cô cứ mặc cái làn tóc tự nhiên của giống đẹp nó phất-phơ trước gió có được không? Các cô lại muốn đánh lừa chúng tôi mà tô son điểm phấn, để lấy cái bộ mặt khác, các cô lại đánh sáp bôi nước hoa để làm lạc cái vẻ nhu-mì tự-nhiên của các cô đi. Các cô đẹp thực, thơm thực. Vậy cái sỹ-diện các cô đã bắt các cô tiêu phí bao nhiêu tiền, về trang điểm, về thì giờ, về mất việc? Các cô đi qua mặt chúng tôi, việc gì trong ngực các cô phải bồi hồi, việc gì các cô phải lấy dáng cho yểu-điệu, việc gì các cô phải làm nét mặt cho nghiêm chỉnh? Chúng tôi tưởng rằng các cô đoan trang thực đấy, nhưng các cô có biết cái sỹ-diện ấy đã xui các cô giết chết mất cái dáng điệu tự nhiên không?

Các ông nhà quê! các ông không muốn ngồi yên chiếu dưới, các ông phải cố xoay lấy cái lý-trưởng phen này. Nhưng nào các ông đã thỏa cho, cụ Chánh còn có điếu có chập kia, vào quan không phải tụt giầy, được bạn với cụ Thừa cụ Lục kia; mà lúc các ông được làm Chánh tổng, các ông có ngồi yên đâu? Các ông lại còn nhấp nhổm lên cái ghế nghị-viên hàng-xứ. Phải Quan Nghị oai lắm! Nhưng các ông muốn được cái sỹ-diện lâu và to gấp trăm gấp nghìn cái Quan Tham nửa giờ của tôi, thì hẳn các ông phải sùy một món tiền cũng gấp trăm gấp nghìn cái đồng bạc ấy. Bấy giờ các ông thử vỗ túi xem còn gì không?

Lại còn nữa; lại còn những anh kiết sác, muốn được cái sỹ-diện tư-bản, cố vay mượn để xe nhà, để ô-tô, để Đồ-sơn, Xá-pả, để vợ con ăn mặc ngang bà nọ bà kia; thì ra anh ấy đã tiêu phí mất cái tự-do về tinh-thần. Ông Chủ báo dốt đặc muốn lấy sỹ-diện với quốc-dân, đã liều thân làm cái bia cho đời mai mỉa. Một ông võ-tướng, muốn lấy sỹ-diện với hoàn cầu hậu thế, đã tiêu tốn mấy vạn sinh-linh!

Ấy, các cô và các ông đừng dại như tôi, trước khi chui vào cái ô-tô hòm mà chễm chện, ta hãy bấm lưng để lượng xem có bao nhiêu vốn cái đã, mà anh Tài có hỏi cũng cứ sự thực mà nói, thì ở đời làm gì có những cảnh ba-đào? Nhưng nếu không thế, thì sao đã có câu chuyện tôi hiến các ngài đây?

Nguyễn-công-Hoan

Tin tức bạn đồng-nghiệp

Ngày 1er Février 1932 tờ Tân-Thanh tạp chí lại xuất-bản, bắt đầu từ số 35. — Theo như thư báo tin mừng của bạn đồng-nghiệp — «từ nay tờ Tân-Thanh tạp-chí chẳng như tờ Tân-Thanh trước; từ nay khuôn-khổ to và theo một mục khác, riêng chú-trọng về văn-chương, tư-tưởng và cách-vật chí-chi».

Hôm sau, một bạn Đồng-nghiệp nữa là tờ Tân-Báo cũng ra đời, làm «cơ quan phổ-thông của cái đời mới, cái đời hoạt-động ở xứ Tân-Việt». Theo tờ cáo-bạch thì nhân-viên trong tòa soạn có «một ông Thực-thụ Hội-viên liên-hiệp các nhà Tân-văn Văn-sĩ Tây ở Paris» với 5 vị khuê-các, còn toàn các ông Nghè, ông Bảng, ông Cử tân cựu cả.

Bản-chí xin thành-thực giới-thiệu với các quý-độc-giả và chúc mừng hai bạn đồng-nghiệp.

LÝ THỬ

NẶNG CHĨU HAI VAI GIẢ NỢ ĐỜI

Xưa có một anh chàng nhà quê, nhà giàu, có hai vợ. Mỗi bữa anh ta ăn cơm, thường nằm cái võng mắc ở giữa gian nhà, đưa sang bên tay phải thời người vợ cả ngồi đó cầm bát cơm và một miếng cơm; đưa sang bên tay trái thời người vợ lẽ ngồi đó bưng đĩa rò bón một miếng rò.



Sau đến khi anh chàng phải vận nghèo, đi ở với nhà người ta làm thằng gánh nước. Mỗi bận anh ta đi gánh nước, hai vai hai đòn gánh, gánh bốn thùng nước.



Người hỏi sao tự làm khổ quá như thế.

Anh chàng ta nói rằng: « Lúc tôi sướng, sướng bằng hai người khác; cho nên bây giờ làm, cũng muốn làm bằng hai người khác. Nghĩ như thế mới phải, chớ có ai bắt mình ».

Nghĩ như anh chàng đó, thật là giả nợ đời nặng chĩu hai vai vậy.

Tản-Đà

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra:
Les confessions de J.J. Rousseau»

(tiếp theo)

Hai thân tôi là người thế nào, tôi đã kể đó. Giời sinh ra hai thân tôi, biết bao là tài đức, nhưng hai thân tôi truyền lại cho tôi chỉ được có một nết, là cái nết đa-cảm đa-sầu. Nết ấy đã gây nên hạnh-phúc cho hai thân tôi, nhưng với tôi thì cuộc đời chịu xiết bao cay đắng.

Khi tôi mới sinh thì ai cũng tưởng không sống được. Từ nhỏ đã mang bệnh, mà bệnh ấy đến nay càng thêm nặng (1); có khi giảm một tí, thì lại có khi tăng lên một cách khác.

Một bà cô bên nội tôi khôn ngoan mà tử tế, chăm chút cho tôi lắm, mới cứu được mạng tôi. Lúc tôi biên chép tập này, cô tôi vẫn còn mạnh khỏe, tuy đã tám mươi tuổi mà vẫn tận tâm trông nom cho một người chồng ít tuổi hơn cô tôi, nhưng rượu chè bê tha, cho nên yếu mệt.

Cô ơi! Cô yêu quý của con ơi! Con tha lỗi cho cô đã làm cho con phải sống ở cõi đời này, con lại buồn thay lúc tuổi già cô chẳng được nhờ con, mà con thì lúc trẻ bé đã nhờ cô bao xiết kể!

Người vú của tôi cũng còn sống mà còn mạnh khoẻ có nhẽ lúc nào tôi chết, cái tay đã giúp tôi mở mắt, thời có nhẽ lại vuốt mắt cho tôi trong phút cuối cùng.

Tôi chưa có trí nghĩ đã có cảm-tình: con người ta ai cũng thế. Duy tôi có phần đa-cảm hơn người. Tự lúc mới sinh cho lúc lên năm lên sáu, những việc mắt thấy tai nghe, không còn thấy tỷ gì. Duy cái cảm động thứ nhất nó khiến tôi là cái cảm vì đọc sách; tự lúc có cái cảm động ấy mới là lúc bắt đầu tôi biết tôi.

Mẹ tôi mất đi rồi, còn để lại nhiều tập tiểu-thuyết; cha tôi và tôi cùng nhau mỗi khi cậu tôi sang, thì đem những sách đó ra đọc. Lúc mới đầu là cốt để cho tôi thích truyện mà mau biết đánh vần và biết đọc nhưng càng đọc thì càng ham, cả hai cha con về sau đều lần lượt đọc truyện luôn luôn không rời, có khi thức xuốt cả đêm. Không bao giờ đọc chưa hết quyển sách mà cầm lòng gấp lại được; có khi mải xem tiểu thuyết mãi canh tàn, vừng đông ló, nghe tiếng chim ríu rít đầu cành, cha tôi có ý thẹn mà bảo tôi rằng: Thôi con, ta phải đi ngủ đi chứ, cha cũng trẻ con quá con, con nhỉ?

Nhờ cái cách tập đọc nguy hiểm ấy, chẳng bao lâu không những là tôi đọc sách rất nhanh mà nghĩa cũng hiểu rõ lại có sự lịch duyệt về những nỗi niềm tâm sự, thật không trẻ con nào tỏ tường bằng. Tôi chưa biết những sự-vật mà đã hiểu hết những mối cảm súc. Tôi chưa nghĩ ra điều gì, nhưng bẩy tình thì tưởng như đã trải hết, những sự cảm động ấy, nhờ mờ như tỏ... mà kế tiếp luôn trong lòng tôi; nó không làm hại đến trí-khôn của tôi, vì lúc đó tôi chưa có trí-khôn nhưng nó đào tạo cho tôi một cái trí-khôn riêng khác thường; nó khiến cho tôi có cái tư-tưởng lạ là tin rằng: việc đời cũng tựa như những điều tôi thấy trong tiểu-thuyết; rồi về sau tuy có lịch-duyệt và biết suy-nghĩ hơn, những cái nhầm ấy có lẽ cũng không phá đi được ở trong trí.

Hết mùa hè năm 1719, cha tôi và tôi đã xem hết những tiểu-thuyết của mẹ tôi để lại. Đến mùa đông sau, lại đọc thứ sách khác. Bấy giờ cha tôi lục đến những sách của ông ngoại tôi để lại, vì tủ sách của ông ngoại tôi thì cha tôi cũng được thừa-tự một phần, sách đó toàn là những sách tốt; như vậy là nhẽ tất nhiên, vì ông ngoại tôi là người sùng đạo, lại là người học-thức sành-sỏi tinh-anh. Những sách «Truyền giáo lịch-sử» «Đế quốc lịch-sử» của Le Sueur, «Hoàn-cầu Đại-Toàn Lịch-sử diễn-thuyết» của Bossuet, «Danh nhân sử» của Plutarque,» «Venise sử» của Nani, «Biên-Hoa» của Ovide, sách của La Bruyère, sách «Vũ-trụ luận» của Fontenelle và «Người chết nói chuyện» cũng của tác-giả ấy, cả mấy tập hài-kịch của Mô-li-e, cha tôi đem vác cả vào trong buồng, rồi ngày nào tôi cũng đem đọc cho cha tôi nghe trong khi làm việc. —Nhờ các sách ấy, tôi có phần sành về văn-chương hơn cả các trẻ con khác cùng tuổi tôi — Tập truyện «Danh-nhân» của Plutarque tôi thích nhất, đọc đi đọc lại, cái thú ấy nó chữa cho tôi khỏi cái bệnh xem tiểu-thuyết; mà chẳng bao lâu những bậc vĩ-nhân tiền-bối, tôi lại yêu hơn mấy mươi những giai-nhân tài-tử trong các truyện tình. Những quyển sách lý-thú ấy, và những câu chuyện mà cha con tôi bàn-luận trong khi đọc sách, nó đào-tạo nên cho tôi được cái tinh khẳng-khái tự-cao, không chịu nổi những cái gì áp-bách, cái gì bắt mình phải nô-lệ. — Tính ấy xuốt đời tôi đã làm cho tôi gian-nan mấy độ, mà dầu trong cảnh gian-nan thật không có cơ nào tự-lập, tính ấy của tôi cũng vẫn không sờn. —Luôn luôn đọc lịch-sử Hi-Lạp và La-Mã, tức cũng như sống luôn với những bực danh nhân đời ấy, mà lại vốn sinh vào một dân-quốc, và một gia-đình rất ái-quốc, trong lòng cha tôi có sự yêu nước là mạnh hơn hết các tình, tôi cũng nhiệt thành mà nối gót cha tôi. Tôi lắm lúc thì tưởng như mình đã hóa ra một người La-Mã hay Hy-Lạp; Đọc lịch-sử người nào thì tưởng như chính mình là người ấy, thấy kể những công việc trung-nghĩa hay

(1) Bệnh ông ám-chỉ đây là bệnh bí-tiểu.

là bạo-dạn thì trong lòng kích-thích, mà chính mình cũng quắc mắt kêu to. Một hôm đương lúc tôi kể lại truyện ông Secvola tự đốt một bàn tay trước mặt quân giặc đã bắt được mình, để tỏ cho nó biết nước mình có lắm người can-đảm, trước mặt lại có cái hỏa-lò, tôi liền giơ tay ra mà thí-dụ, khiến cho cả nhà hoảng-hốt thất kinh.

Tôi có một người anh nhớn hơn tôi 7 tuổi đầu. Anh tôi cùng học theo nghề của cha tôi. — Cha tôi yêu tôi quá, thành ra đối với anh tôi cũng có phần bỏ liều, nay tôi còn lấy điều ấy làm ân hận. Anh tôi không ai trông nom đến, cho nên dễ sinh hư. Chưa đến tuổi thành-nhân, đã ra điều phóng-túng chơi-bời, cha tôi đem gửi một ông thầy khác, thì anh tôi lại bỏ nhà ông thầy ấy mà trốn đi. Tôi ít khi thấy mặt anh tôi, anh em chỉ như hai người có quen biết nhau mà không có thân mật, nhưng trong lòng tôi vẫn yêu hết sức, mà anh tôi thì cũng rất mực yêu tôi; lòng người du-đãng yêu ai đến bực nào thì lòng anh tôi đối với tôi cũng đến bực ấy. Tôi còn nhớ có một lần cha tôi nóng lên đánh anh tôi một trận ghê quá, tôi liền xông vào giữa hai người, ôm ghì lấy anh tôi, lấy mình tôi mà tre trở anh; cha tôi đánh cái nào thành ra đánh tôi cả, mà tôi cứ nhất định ôm anh tôi như thế mãi, đến nỗi cha tôi phải thả cho anh tôi, vì phần thì thương tôi kêu khóc, phần thì sợ tôi bị đau hơn người có tội. — Nhưng về sau, anh tôi lêu lổng quá, lại bỏ nhà đi đâu mất, thế là hỏng cả một đời. Ít lâu có người đồn rằng: anh tôi chốn sang ở bên Đức. Nhưng mãi đến sau cũng không thấy anh tôi có tin tức gì về, rồi tự đấy về sau vắng bặt tăm hơi, mà tôi là em út mà hóa ra con một vậy.

Anh tôi chẳng may không được có ai chăm nom đến, trái lại, tôi lại được hưởng bao nhiêu cái sung-sướng, thật là được nũng nịu như con vua cháu chúa không bằng, quanh mình chỉ thấy những người chăm chút yêu mến. Tuy kẻ quý người yêu như vậy, nhưng tôi không phải là đứa con nuông chiều. Khi tôi còn ở dưới gối cha tôi, không bao giờ được một mình chạy ra đường chơi với những trẻ con hàng phố; cũng không bao giờ có những cung cách ngang ngược đến nỗi để cho nhà phải trừng phạt, hay là đành phải gượng chiều một đứa trẻ có cái tính ngang-ngược ấy. Người ta tưởng là do thiên-tính, nhưng chẳng qua chỉ vì người trên không biết uốn-nắn mới đến nỗi làm hư con trẻ. Về phần tôi, không phải là tôi không có những cái nết xấu thường của con trẻ về tuổi ấy, như là nói lém, ăn tham, có khi lại nói dối nữa — Lúc thèm cũng có thể hạ thủ mà ăn trộm hoa quả, kẹo bánh các thức ăn; nhưng thật không bao giờ tôi vui lòng mà làm càn hay làm hại ai, quấy rối ai; hay làm khổ các con súc-vật. Tuy vậy có một lần tôi nhớ tôi tiểu-tiện vào trong nồi cơm một bà mụ hàng xóm gọi là mụ Cốt, trong khi mụ đi nghe kinh vắng nhà. Mà tôi thú thật rằng: ngay bây giờ nhớ lại cái lúc nghịch tinh ấy, tôi vẫn còn bật cười, bởi vì cái mụ già ấy, kể ra thì cũng là một người đàn bà hiền lành, nhưng mụ ta cẩu nhẩu lạ, bình sinh tôi chưa thấy ai như thế. Đó là xin nói tóm tắt và thành-thực hết những tội-ác của tôi lúc còn thơ-ấu.

Vả lại, tôi có thể nào hiện ra ác được, vì chung quanh mình tôi, chỉ có như những người hiền-hậu, những gương nhân-từ — Cha tôi, cô tôi, thím tôi, em tôi, họ hàng thân thích, cho chí hàng xóm láng giềng của tôi, tất cả những người quanh mình tôi kể ra thì không phải cái gì cũng vâng mệnh một phép đâu, nhưng mà yêu tôi thì ai nấy đều yêu thật, mà tôi cũng yêu trả lại. Cho nên những điều sở-ước của tôi không có cái gì khiêu-động và không có cái gì ngăn-trở vì thế thành ra trong bụng tôi không hề nẩy ra cái ý-tưởng đòi cái gì, xin cái gì bao giờ. — Tôi thề rằng: trước khi tôi bị câu-thúc dưới quyền một ông thầy, thì tôi không biết cái gì là cái ước-ao bằng lòng vô-lý (1.) Khi nào không ngồi đọc, ngồi viết với cha tôi, hay không đi chơi với em tôi, thì tôi lại đến ngồi bên cô tôi, xem cô tôi thêu, nghe cô tôi hát, hoặc đứng cạnh cô tôi, thế là tôi đủ thỏa lòng — Cô tôi người tươi-tỉnh mà dịu-dàng, mặt trông cũng xinh; tôi mến yêu cô tôi lắm; cho nên đến bây giờ vẫn nhớ từng nét mặt, từng dáng-điệu, từng khóe mắt đưa nhìn; nhớ những câu chuyện ngắn đem nói, nghe truyện du em như là được người vuốt ve; tôi có thể nói rõ cách ăn mặc, cách đôi khăn của cô tôi thế nào, mà cả hai cái món tóc đen rủ xuống cong cong ở bên thái-dương, cô tôi theo «mốt» lúc bấy giờ, tôi vẫn còn tưởng-tượng trong trí-não.

Nguyễn-tiến-Lãng *dịch thuật*

(còn nữa)

---

(1) Thuyết của ông Lư-Thoa về giáo-dục là người ta vốn tính lành «tính bản thiện» cũng như câu kinh ba chữ đó, mà vì câu-thúc cho nên hóa ra mất cái bản-tính tốt, phát ra những cái sở-ước vô-lý và mọi nết xấu khác.

Ngài nào muốn buôn
Ngài nào muốn bán
Ngài nào muốn dùng
Ngài nào muốn giúp

NỘI-HÓA

XIN ĐẾN

QUẢNG-VẠN-THÀNH

Hiệu buôn toàn Nội-Hóa
Mở năm Bính-Dần 1926
120, phố Bonnal 120

Haiphong

Có bán trẻ « *Việt-Nam* », sà phòng « *Rồng-Nam* » v. v. . .

CHUYỆN CÂM: HAI ĐÔI GIẦY



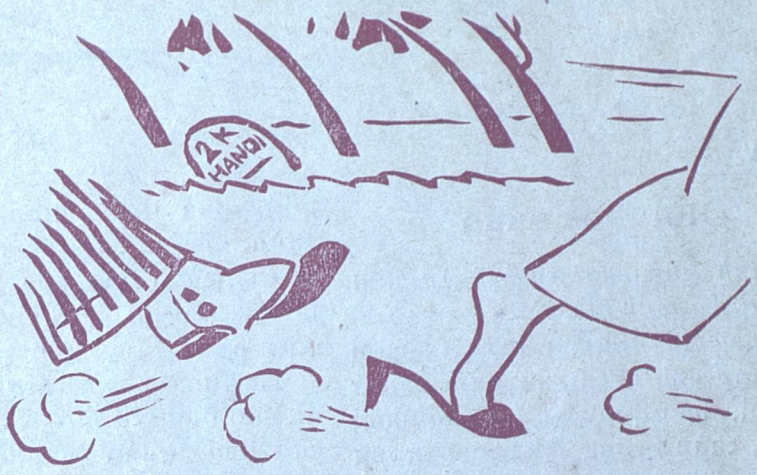

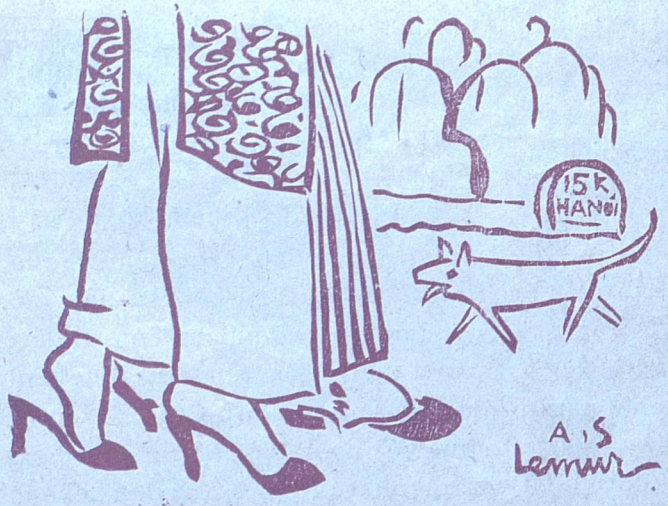

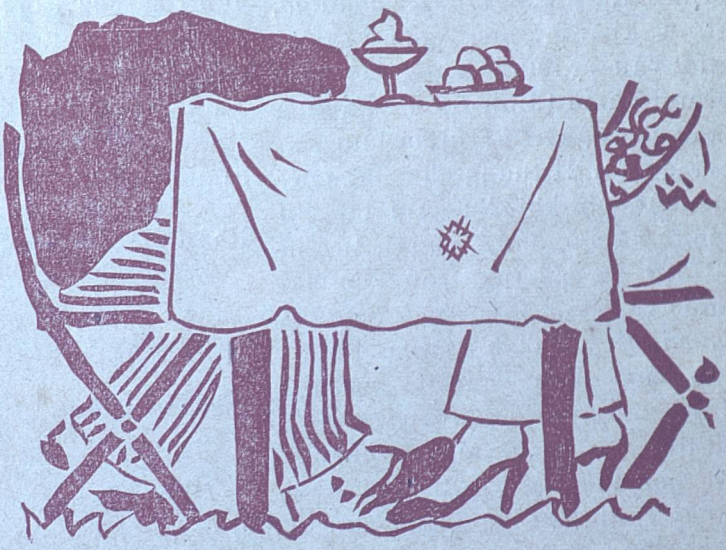

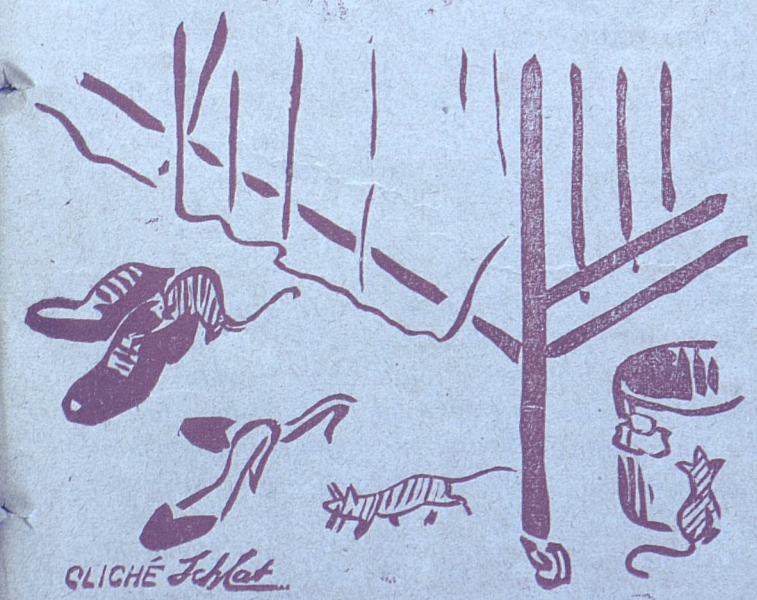



VĂN-ĐÀN

HÀI-VĂN

Hội hoa - đào

Thịnh tình của xã-hội An-nam đối với An-nam tạp-chí.

Ngày 16 Janvier 1932 An-nam tạp-chí tiến-hành xuất bản ở Ha-nội, báo-quán trụ tại phố hàng Khoai, khúc đường bên trong đường xe điện chợ Đồng-xuân. Ngày 31 tháng ấy, tức là ngày 24 tháng chạp An-nam ta, năm Tân-vị, sĩ dân gần quanh bất kỳ khai *đại Hội hoa-đào*, tỏ tình khánh-chúc. Nghĩ đó thực là một vận-sự ít thấy trong báo-giới, mà một phiến thịnh-tình của công chúng chẳng nên kỷ-niệm lắm ru?

Sáng hôm 24 tháng chạp ta, ngày chủ-nhật, sau khi An-nam tạp-chí ra số thứ ba ở hàng Khoai, tức là số 27 từ hàng Lọng, trong có bài về mục văn-đàn: *Bức thư đưa người có quen biết*, của một nhà Thi-sĩ trong Báo - quán. Thi-sĩ, sau khi gửi bức thư ấy cho người quen biết, khối tình ôm nặng, hồn còn phảng-phất theo thơ; lại chợt sáng hôm ấy thấy cành hoa mai trắng toát từ đâu ra đến ở trước song.

相 思 一 夜 梅 花 發
Tương tư nhất giạ mai hoa phát,
忽 到 窗 前 疑 是 君
Hốt đáo song tiền nghi thị quân.

Một đêm hoa nở cành mai,
Trước song chợt đến, ngỡ người nhớ thương.

Cái cảnh-thú thốt-nhiên làm cho nhà Thi-sĩ ta phải vội-vàng đứng dậy ra xem, thời ra ngoài cành hoa mai ấy, lại có vô số những là cành hoa đào; mỗi cành đào và cành mai đều có người cầm mà ngỏi, cầm mà đứng. Rồi mà không biết từ đâu đến vô số những người cầm cành hoa đào, cũng lại có người cầm cành mai. Rồi mà suốt hai bên dẫy phố hàng Khoai, khúc đường ấy, từ ngã tư chợ Đồng-xuân, đầu hàng Giấy, chạy sang cống chéo hàng Lược, toàn là đào và mai. Tranh hồng đua thắm, điểm trắng pha xanh, hoa có cành mà không thấy có cây, cành toàn hoa mà lơ-thơ có lá vậy. Đại-để trong mười phần thời chín phần đào, có một phần mai.

Từ khoảng tám chín giờ sáng giở đi, cho đến 10 giờ, 11 giờ, ngoài cửa Báo - quán thật thiên - nhiên hiện cảnh Đào-nguyên. Rồi mà tài-tử giai - nhân, người Nam, người Pháp, người Trung-hoa, xem hoa, thưởng hoa, mua hoa; hoa như rừng, người như hội vậy! Bóng mặt giời buổi sáng từ trên cao chiếu xuống, rực-rỡ những bông đào đỏ thắm, ói lộn hai mà hồng của những ai giai-nhân.

人 面 桃 花 相 映 紅
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng

Hồng hồng ói lộn hoa lồng mặt ai.

Câu thơ của cổ-nhân mà tình-cảnh hiện-tại.

Đố ai chẳng chút động lòng!
Ngồi trong cửa sổ văn-phòng trông ra.

Ở khoảng giữa đường phố, người đi, người lại, người đi chân, người đi xe, người đi xe ô-tô, phần nhiều có cầm cành hoa đào, hoặc là cành hoa mai; nép xuống cửa song mà trông, cũng có thể tưởng-tượng là thuyền ai đi lại hái hoa vậy. Cho nên gọi là cái cảnh Đào-nguyên.

Từ hồi 12 giờ giở đi, cho đến 2, 3 giờ, 4, 5 giờ chiều, cái quang-cảnh đông vui dần dần thưa vãn, đào hồng mai bạch lần lượt cùng theo với những nam thanh nữ tú, chia tan từ giã chốn hàng Khoai. Lúc ấy lại vừa hồi tan đuổi chợ Đồng-xuân, các gồng gánh rau rưa, các thúng rổ tôm cá, các xe chở hàng hóa từ trong chợ toé ra, hợp với những tiếng kẹo kèu, phở rao, chuông xe đạp, còi ô-tô, lại gió chiều bụi bay, cảnh hồng-trần tranh thắng. Cho nên cũng là cảnh Đào-nguyên, mà không phải Đào-nguyên Tần Tấn, chỉ là Hội hoa đào phố hàng Khoai An-nam.

Qua ngày 24, sang ngày 25, qua ngày 25 sang ngày 26; qua ngày 26, sang ngày 27; tình-cảnh trong mấy hôm, từ sớm đến chiều đại khái cùng như nhau. Sang ngày 28 Tết, nhà Thi-sĩ xin phép với đồng nhân trong Báo-quán, về chơi Tết ở nơi thôn quê; khoảng chín giờ sáng từ phố hàng Khoai ra đi, ngoảnh trông lại chỗ đào mai đua nở, sĩ nữ thứ-dân, lão-niên đồng-ấu chính còn đương chen chúc đua vui dưới cái biển có bức địa-đồ treo cao, chữ đề **An-nam Tạp-Chí** vậy. Ôi thịnh thay!

Hiện nay đã Nhâm-thân năm mới, Hội hoa đào trong năm đã qua, thịnh-tình của xã-hội An-nam đối với Báo-quán An-nam còn như ở trước mắt. Mong rằng: sự tiến-hành của **An-nam Tạp-Chí** sẽ được cùng với ngày tháng năm mới cùng đi nhanh như tên bay, chóng chóng lại tới khoảng giáp Tết, để mà xem:

Hoa đào năm ngoái còn cười.

Tản-Đà

Thơ Tết

Tiếng pháo canh nêu mới lúc nào,
Gió đông nay lại cợt hoa đào.
Cuộc đời dâu bể đà bao độ,
Quả đất xoay vần biết mấy tào.
Nước cũ một ngày thêm một mới,
Non xanh càng tuổi lại càng cao.
Trước sân hòe quế đua tươi cả,
Hớn hở mừng xuân mỉm miệng chào.

Hương-trì

Đón Xuân

Hoa đào hé miệng báo xuân sang,
Thiên-hạ nghinh xuân rộn khắp làng;
Tranh, pháo, thủy-tiên, chè giấy mã
Sông Ngô gánh đổ biết bao vàng.

Hoàng quang Đức

Ngẫu thuật

Ai cũng kêu rằng: «Gớm bác Thông
«Người sao lắc-cắc, tính sao ngông!
«Học ngày không đúng vài ba chữ,
«Lương tháng tiêu bay mấy chục đồng.
«Xoay giở cáo già, chơi giở bịp,
«Ăn như hổ đói nói như rồng.
«Thế mà vẫn cứ «ta đây» mãi,
«Nay tán, mai bàn truyện núi sông!»

Đông-Xuyên

Đợi sáng

I

Tiếng gà sao-sác, tiếng chuông đưa,
Đối ngọn đèn xanh giạ ngẩn-ngơ.
Nhớ bạn viết chơi vài mảnh giấy,
Buồn tình ngâm hão mấy câu thơ.
Trông về núi Bắc mây đen kịt,
Ngoảnh lại ngàn Đông ánh sáng mờ.
Đốt đóm muốn đi khua chúng dậy,
Ai ơi! đợi sáng đến bao giờ?

Đinh Huy-Hạo

II

Lạnh-lẽo hơi sương gió lọt mành,
Canh tàn thơ-thẩn ngọn đèn xanh.
Hắt-hiu án sách đầu vơi đĩa,
Lác-đác sân hoa lá rụng cành.
Người cứ trông hoài đêm vẫn tối,
Giời còn trêu mãi sáng chưa tinh.
Bực mình suốt cả năm canh vắng,
Ngủ chẳng yên cho, dậy chửa đành.

Vô-danh

DỊCH THƠ

Đường thi

I

銅臺宮觀委灰塵
魏主園陵漳水濱
只今西望猶堪思
況復當時歌舞人

Đồng-đài cung quán ủy hôi trần,
Ngụy-chủ viên-lăng Chương-thủy tân.
Tức kim tây vọng do kham tứ,
Huống phục đương-thời ca vũ nhân.

Gio than một nấm đền Đồng,
Ấy mồ Ngụy-chúa lạnh-lùng bến Chương,
Bây giờ trông thấy còn thương,
Nữa người tay múa miệng gang bấy giờ!

II

烽火照西京
心中自不平
牙璋辭鳳闕
鐵騎繞龍城
雪暗凋旗盡
風多雜鼓聲
寧爲百夫長
勝作一書生

Phong hỏa chiếu Tây-kinh.
Tâm-trung tự bất bình.
Nha-trương từ Phượng-khuyết.
Thiết-kỵ nhiễu Long-thành.
Tuyết ám điêu kỳ họa.
Phong đa tạp cổ-thanh.
Ninh vi bách phu trưởng.
Thắng tác nhất thư-sinh.

Lửa binh âm chốn Tây-kinh,
Đố ai giẹp nổi bất-bình cho ta!
Trước sân vâng lĩnh ấn ngà,
Phết roi ngựa sắt ruổi ra thành rồng.
Cờ mao hơi giá lạnh-lùng.
Gió hiu-hiu thổi trống thùng-thùng đi.
Thà làm ông quản cu-li,
Kẻo khăng-khăng mãi làm chi anh đồ.

Kim thi

Bài thơ quan Phụ-Đạo Bùi-Dị đề núi Đội-sơn

宛轉群龍作隊飛
山容今古碧依依
皇黎碑道花空落
仙李碑文蘚自肥
秋水滄茫浮一點
江流曲折抱三圍
深深竹院僧房小
拂石看雲坐翠微

Uyển-truyển quần-long tác đội phi,
Sơn dung kim cổ bích y y,
Hoàng Lê tất đạo hoa không lạc,
Tiên Lý bi văn tiền tự phì.
Thu-thủy thương mang phù nhất điểm,
Giang lưu khúc-triết bão tam vi.
Thâm thâm trúc-viện tăng-phòng tiểu,
Phất thạch khan vân tọa Thúy-vi.

Mưỡu

Đồng chiêm nổi đám treo leo,
Trúc xô dịp phách, thông reo tiếng đàn,
Có văn-chỉ có thiền-quan,
Đầu non sáo Mục, chân ngàn trải Ngư.

Rồng bay một đội, trải xưa nay, giăng núi vẫn trơ trơ; lối vua Lê hoa rụng vắng như tờ, bia họ Lý rêu xanh mờ mặt đá. Con nước mông mênh bềnh một quả, cái sông quanh quất lượn ba vòng, trúc xanh om kìa viện Tăng-phòng, ngồi phẩy đá đứng xem mây trót vót. Bia ai đựng sườn non đột ngột, có thơ hay chữ tốt để về sau? Ấy quan Phụ-đạo Châu-cầu.

Bài thơ quan Thiếu-Bảo Đoàn-Triển về hưu gửi bạn

夢想無今日
風波幾歷回
懸車知己晚
專闢愧無才
民隱鴻鴻鴈
予情倦鳥催
江鄉逢潦盡
攜杖看園梅

Mộng tưởng vô kim nhật,
Phong ba lịch kỷ hồi,
Huyền sa chi dĩ vãn,
Chuyên khẩn quý vô tài,
Dân ẩn minh hồng cấp,
Dư tình quyện điểu thôi,
Giang-thôn phùng lạo tận,
Huề trượng khán viên-mai.

Mơ-màng đâu tưởng có rầy,
Sóng xa gió táp từ đây qua rồi,
Gác xe bóng đã xế đoài,
Sượng-sùng cửa đóng then cài với ai.
Mòng kêu thêm nhức bên tai,
Cánh chim mỏn-mỏi, tình người ngẩn-ngơ,
Chòm sông nước cạn lờ-lờ,
Sớm hôm chống gậy xem mơ vườn nhà.

Ngô-khê-Ngư *dịch*
Mai-Khê *cung lục*

DỊCH THƠ PHÁP

Bài Đoản-thi của Arvers

Bà Charles Nodier mở một cuộc thi-đàn để họp các bậc văn-nhân, mặc-khách. Một nhà thi-sĩ thiếu-niên Arvers thấy bà tài sắc kiêm toàn đem lòng thầm yêu trộm nhớ. Yêu, nhớ, nhưng chẳng dám hé môi, chỉ chôn sâu trong gan một mối tình tuyệt-vọng. Bài thơ sau đây tức là bài tự-tình của chàng:

Mon cœur a son secret, mon âme a son mystère,
Un amour éternel en un moment conçu.
Le mal est sans espoir aussi j'ai dû le taire,
Et celle qui l'a fait n'en a jamais rien su.
Hélas! j'aurais passé près d'elle inaperçu,
Toujours à ses côtés et pourtant solitaire.
Et j'aurais jusqu'au bout fait mon temps sur la terre,
N'osant rien demander et n'ayant rien reçu.
Pour elle, quoique Dieu l'ait faite douce et tendre,
Elle ira son chemin distraite et sans entendre
Ce murmure d'amour élevé sur ses pas.
A l'austère devoir pieusement fidèle
Elle dira lisant ces vers tout remplis d'elle :
Quelle est donc cette femme ? et ne comprendra pas.

Lòng ta chôn một khối tình,
Tình trong giây phút mà thành thiên thu.
Tình tuyệt-vọng nỗi thảm sầu,
Mà người gieo thảm như hầu không hay.
Hỡi ơi ! người đó ta đây !
Mà ta thui-thủi đêm ngày chiếc thân !
Dẫu ta đi trọn đường trần,
Chuyện riêng dễ dám một lần hé môi.
Người dù ngọc nói hoa cười,
Nhìn ta như thể nhìn người không quen.
Đường đời lặng-lẽ bước tiên,
Ngờ đâu chân đạp lên trên khối-tình !
Một niềm tiết-liệt trung-trinh,
Xem thơ nào biết có mình ở trong.
Lanh-lùng lòng mới hỏi lòng :
«Người đâu tả ở mấy dòng thơ đây ?»

Trần-khánh-Dư

Câu chuyện non cùng nước

Non xừng-xững vừa cao vừa lớn,
Đứng xa trông chơm chởm Nam-sơn.
Biết bao hoa lá bên sườn,
Giây leo lẫn bóng, cỏ chen nhờ mầu.
Nước lóng-lánh hơn chiều sắc sảo
Rõ mười phần thông thấu khác thường,
Chứa-chan đạo-đức, văn-chương (1)
Gương thua mầu sáng, ngọc nhường vẻ thanh.
Tình quyến-luyến non xanh bến cũ.
Tiếng chào mừng sóng vỗ hạng reo.

Xiết bao nông nỗi cao sâu,
Cùng nhau trò chuyện trước sau ân-cần.
Non khen nước: tinh-thần hoạt bát.
Tính khoan hòa, lưu loát, nhẹ nhàng.
Thâm-trầm hồn-hậu lạ dường,
Ai dò rốn bể, ai lường đáy sông.
Lượng bà hải bao dung rộng rãi,
Chí giang hồ vùng-vẫy dọc ngang.
Tình-hoài lai-láng lênh-lang,
Việc đời-hăng-hái, bước đàng xa-xôi.
Quý vì đức mà tài thêm mến,
Mến thương nhau, can dán nhau cùng.
Suối còn ở núi nước trong :
Suối ra khỏi núi, khó lòng! nước ơi,
Dám khuyên hãy nghỉ ngơi tĩnh dưỡng,
Lấy thanh nhàn làm sướng là hơn.
Xưa nay đầy ắt phải tràn,
Lở bồi là nhẽ tuần hoàn đó thôi.
Ngồi mà nghĩ cuộc đời mộng-ảo,
Sân khấu kia, láo-nháo trò đùa.
Hơi đâu sóng đuổi giòng đua!
Mà chiều ngọn suối, mà trưa mặt ghềnh!
Nay mong-mỏi mông-mênh bể Sở,
Mai quẩn-quanh lần-lữa sông Ngô.
Sóng to biển rộng mịt-mù,
Luống công theo đuổi giang hồ ngược xuôi.
Chi bằng cứ như tôi đứng rảnh,
Riêng dầu giời một khoảnh ngồi yên.
Dưới chân sẵn thú điền-viên,
Cỏ, hoa, cây, đá, thiên-nhiên tháng ngày.
Non nói rứt, nước bầy nông-nỗi,
Giọng nỉ-non muốn nói chưa thông.
Nhân khi gió mát giăng chong,
Thung-dung nước giãi tấm lòng cùng non.
Rằng: động tĩnh nước non tính khác,
Giời phú sinh tôi bác từ xưa.
Thanh-nhàn là cái non ưa,
Nước ưa sô-sát ganh đua việc đời.
Non ưa tĩnh, non ngồi một chỗ;
Nước đi cho biết đó biết đây.
Khi vơi, nước lại khi đầy;
Non xanh tháng tháng ngày ngày non xanh.
Non cùng nước đêm thanh câu chuyện,
Nước cùng non chí-nguyện đôi nơi.
Nước xin non cứ non ngồi,
Nước vì việc nước, việc đời, nước đi.

Nguyễn-x-Dương

1.— Sách Tôn-khanh-Tử có câu :«Người quân-tử thấy nước lớn tất là coi xem. Kìa lồng-lộng không chịu khuất phục, đáng như có đạo; mềm-mại mà không làm gì, đáng như có đức.» — Sách Thuật-dị có câu :«Sông nước như ngũ sắc, người nơi đó rất nhiều văn-chương.»

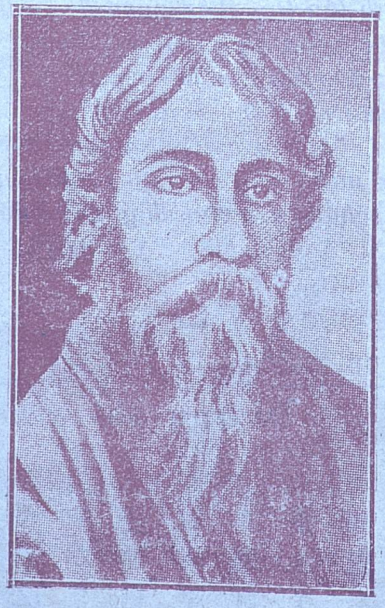

Nhà thi-sỹ Ấn-Độ Tagore

THI-ĐÀN GIẢNG-TẬP

I

Cảm-đề

(Bài này đã đăng vào báo T. D. khoảng năm 1928)

Cương tỏa chưa ra trót khỏi vòng,
Tấm riêng riêng biết tỏ ai cùng!
Non xanh nước biếc trời man-mác,
Gánh nặng đường xa bước ngại-ngùng.
Mắt trước (1) buồn trông tuồng chợ búa,
Thân còn vướng mắc (2) nợ non-sông.
Chung quanh bao nả người quen thuộc,
Biết mặt nào ai dễ biết lòng!

(1) Nguyên tác của tôi là: mắt *dẫu*. . . . . báo T. D. sửa lại chữ *trước*. — (2) Nguyên tác của tôi là: vương *lấy*. . . . báo T. D. sửa lại chữ *mắc*.

II

Chùa cổ

(Chùa Long-Khánh ở tổng Phủ-long, tỉnh Nghệ-an, tôi có dịp đi qua đấy, vào xem, cảm tác)

Ba gian chùa cổ cảnh tiêu sơ,
Trải mấy phong xương mãi đến giờ.
Mõ mục, chuông mòn, sư vắng tẻ,
Tường siêu, ngói đổ, bụt ngồi trơ.
Tòa sen dện bủa tơ ngang dọc,
Bia đá rêu phong nét tỏ mờ.
Nhắn hỏi ai đây người tín ngưỡng,
Phật nhà sao nỡ để thờ ơ.

Kỳ-Sơn

BÀI THỨ NHẤT

Câu thứ nhất. — Hai chữ « *cương tỏa* » không hợp dùng trong quốc-văn, lại càng không hợp dùng trong câu thơ, vì rằng hai chữ đó còn nguyên là tính chất chữ nho, và nghe ra nặng lời, thời làng thơ lại rất nên kiêng kỵ. Huống chi, chữ ấy chỉ là ý nói danh lợi, mà hai chữ « *danh lợi* » thời rất là quen tai rõ nghĩa, lại có câu sẵn: « *cái vòng danh lợi cong cong,* » thời cần chi bỏ sự tự-nhiên không dùng, mà lại thêm việc chi cho ra nặng lời vậy. Vậy thời hai chữ « *cương tỏa* » chỉ nên đổi làm hai chữ « *danh lợi* » là hơn. — Chữ « *trót* » nên đổi làm chữ « *thoát,* » vì *trót* với *khỏi*, hai chữ tức là một.

Câu thứ hai. — Năm chữ « *riêng biết tỏ ai cùng* », nên đổi là « *khôn tỏ với ai cùng* » như thế, ý cũng vậy mà xuôi lời rõ nghĩa hơn; lại để dành được chữ « *biết* » đem dùng xuống câu thứ *bảy*.

Hai câu tam tứ. — Nếu câu trên muốn đặt « *non xanh nước biếc* » cho đẹp lời, thời câu dưới cũng phải tìm những chữ adjectif có trỏ nghĩa màu sắc, như: *vàng, trắng,* vân vân, mới có thể đối nhau được. Nay bốn chữ ở câu dưới là « *gánh nặng đường xa* » thời bốn chữ câu trên nên đổi là « *non cao nước thẳm* », như thế cân nhau hơn.

— Lại chữ « *trời* » ở câu trên mà đối với chữ « *bước* » ở câu dưới, sao cho cân? Vậy chữ đó nên đổi làm chữ « *hồn* », như thế thời một câu thứ tư, bảy chữ để nguyên được.

Hai câu ngũ lục. — Câu trên, nguyên-tác chữ « *dẫu* » đứng thứ hai, lời yếu mà nghĩa lại quá đáng, thực không thích-hợp. Báo T. D. sửa làm chữ « *trước* » thời lại thành ra không có nghĩa gì cả! Câu dưới, nguyên-tác chữ « *lấy* » đứng thứ tư, nhận ra thực là nặng lời. Vì chữ « *lấy* » có ý bắt-đắc-dĩ, nghĩa như không muốn mà phải làm. Cái nợ non-sông, tự ai có muốn vương thời vương, nào phải là sự ai bắt ai, mà đặt chi đến tiếng nặng lời vậy. Báo T. D sửa bỏ chữ ấy, thực là chữa được một cái lỗi rất to. Song như chữ chữa vào của T. D. là chữ « *mắc* », thời xem ra thực cũng cẩu-thả. Chữ « *mắc* » với chữ « *vướng* » cùng một nghĩa như nhau. Hai chữ *verbe* cùng một nghĩa mà đặt đứng luôn nhau trong câu thơ bảy chữ, nghĩ đã là kém thay. Lại để đối với hai chữ ở câu trên « *buồn trông* », chữ « *buồn* » đó là adverbe. Như thế thực là cẩu-thả vậy. Hai câu đó, muốn giữ nguyên-ý mà đặt cho xuôi lời, thời nên đổi lại là:

Mắt những ngán trông tuồng chợ búa,
Thân còn ham vướng nợ non sông.

Có lẽ hơn.

Hai câu thất bát. — Chữ *thuộc* ở cuối câu trên, đổi làm chữ « *biết,* » thời vừa dẫn khởi được hai chữ *biết* ở câu dưới, mà vần cũng kêu hơn. — Câu dưới, hai chữ « *nào ai* », nên đổi làm *ai đâu*.

Toàn bài sửa là:

Danh lợi chưa ra thoát khỏi vòng.
Tấm riêng khôn tỏ với ai cùng.
Non cao nước thẳm hồn man-mác,
Gánh nặng đường xa bước ngại-ngùng.
Mắt những ngán trông tuồng chợ búa;
Thân còn ham vướng nợ non sông.
Chung quanh bao nả người quen biết,
Biết mặt ai đâu để biết lòng.

Bài thơ này sửa lại như thế, cũng chỉ là so với nguyên-văn in ở báo Tiếng-dân có xuôi chỉnh hơn đôi chút mà thôi. Bảo rằng hay, thời chưa câu nào có thể kể là hay vậy. Thơ cảm-đề quí ở cái khí lăng-tẳng, mà nguyên-tác có kém.

BÀI THỨ HAI

Bài này toàn đề êm ái; bốn câu đã có vẻ thanh tao u nhã, kể không cần phải sửa-đổi mà có thể kể là bài thơ hay. Duy ý tôi muốn đổi chữ *bụt*, ở câu thứ *tư*. Đem xuống chỗ chữ « *Phật* » ở câu thứ *tám*, mà chữ « *Phật* » ấy đổi lên câu thứ tư. Vì trong câu thứ tư, chữ thứ *năm* thời đặt chữ « *Phật* » chữ « *bụt* » đều như nhau; mà chữ « *bụt* » đem xuống đầu câu thứ bảy, thời hơn chữ « *Phật* », Hai chữ « *Bụt nhà* » liền nhau, có chữ, sẵn nghĩa hơn.

Tản-Đà



THỜI-SỰ

VINH

Một tổ hội kín bị khám phá

Sở mật thám Vinh vừa khám phá một cơ-quan hội kín ở trong rừng Sa-lung gần bến đò Địa-Lợi thuộc huyện Hương-khê. Người đầu đảng là Ng. Niệm toan chạy trốn, bị bắn gục xuống, đem vào nhà thương được một lát thì chết, một người trong bọn tên là Suất đứng nộp mình. Các nhà chuyên trách có khám bắt được nhiều giấy má quan-trọng.

NGHỆ-AN

Tự tử trong nhà pha

Lê-Thuật, một tay đầu đảng Hội kín, bị bắt hồi tháng Décembre, vẫn bị giam tại nhà pha tỉnh, hôm mới rồi lấy giây thắt cổ tự tử.

Lại một người nữa tên là Liêu, đảng-viên Hội-kín, bị bắt giam tại nhà pha, mới rồi cũng cắt cổ tự tử. Lúc người ta biết, Liêu đã thác cứng ra rồi.

BÌNH-THUẬN

Bản án hội kín dả ở Phan-ri

Tri-Phủ Hòa-da Thân-trọng-Dược sẽ bị đem ra Hội-đồng Đề-hình viện Cơ-mật xử, còn bọn vi-tùng bị tòa Khâm-phúc y án như sau này:

Phạm-võ-Du, đồng mưu với Phủ Dược bày đặt việc hội kín dả, bị cách chức thừa phái, bằng sắc thủ-tiêu, lạc hồi dân tịch;

Nguyễn-Ích-Bình tức giáo Xứng, người đứng tổ giác việc hội kín dả bị ba năm khổ sai; Lê-Giáp, Phan-Nai và Hội-đồng Quản-Hạt Nguyễn Hán sáu mỗi cho cho Phủ Dược đều bị khổ sai, Giao 1 năm, Nai 7 tháng và Hán 18 tháng.

Nghe đâu án ấy tư về Huế đều bị viện Cơ-mật tăng thêm cả. Đáng kiếp bọn gắp lửa bỏ bàn tay!

SAIGON

Một người hội kín bị tử hình

Vụ án Nguyễn-v-Banh bị ám sát ở Bahom tới nay đã kết-liễu.

Nguyên ngày 20 Octobre 1929, Nguyễn-văn-Banh ở Gia-định có việc đi Đức-Hòa, rồi mất tăm không thấy về nữa. Người vợ là Phạm thị Sỏi có ý lo ngại, đi báo làng. Qua ngày 30 Octobre, làng tìm thấy thây Banh, tuy tử thi đã nát mà thày thuốc còn nhận được vết cứa cổ rất tàn nhẫn. Làng nghi cho Huỳnh-văn-Dảm giết, vì hồi tháng giêng năm 1928, y đã đe dọa giết Banh.

Bị bắt đầu năm 1931, Dảm thú nhận là đảng viên Hội kín, theo lệnh đảng cùng Võ-văn-Tám đi ám-sát Banh.

Phiên tòa ngày 12 Janvier 1932, Dảm bị kết án tử hình, còn Tám xét ra oan được tha bổng.

Một đảng ăn cắp bị khám - phá

Hai đứa kẻ cắp tên là Thục và Ba bị bắt khai ra thằng «trùm» tên là Chính mới 11 tuổi đầu! Thằng này còn bé loắt-choắt nom chỉ độ lên 7 lên 8, nó làm dáng lắm, hàm răng có điểm mấy chiếc vàng. Bị bắt, «cậu trùm» tố cáo ra 11 tay đồ đảng, đều một loạt 17, 18 cả. Sở mật thám lại bắt được 2 tên khách là Trương-chan ở phố Vannier và Vương-châu ở phố Paris vẫn oa trữ các đồ vật chúng ăn cắp ở các hiệu.

HANOI

Ông Trần-văn-Chinh tự tử

Tại căn nhà riêng ở số 52 phố hàng Điếu, một ngao thuốc phiện, một cốc dấm thanh, 1 giờ sáng hôm 12 Février, ông Trần văn Chinh nguyên bố-chính Hưng yên đã thoát được ra ngoài bể khổ.

Sợ chăng? Hối chăng? Non gan chăng? . .?. . ?

Nhưng thôi, ông Trinh đã chết rồi.

Dương-hạc-Đính

Dương Hạc-Dính, một yếu nhân trong Hội kín, đã bị kết án khổ sai chung thân, vì có can tội cùng em mưu hành động nhiều việc ghê gớm ở trong Nam, nên sắp bị giải vào Saigon để chờ xét xử.

ẤN-ĐỘ

Phong-trào Ấn-độ

Việc biến-động ở Ấn-độ càng ngày càng thêm nghiêm-trọng.

Ở Hardoi, lính cảnh-sát đến bắt những người dự vào việc đề-chế, bị công-chúng sâu-sé đánh đập. Lính bắn, 3 người chết, nhiều người bị thương. Ở Allahabid, hơn một trăm người dự cuộc biểu-tình bị bắt. Tại Cachemire, 4000 người cầm gậy đánh lính cảnh-sát và các viên-chức sở Quan-thuế. Một viên quan võ bị trọng thương, 72 người bị bắt. Tại Uri, nhân dân phá cả chợ, lấy đá ném vào các viên-chức của chính-phủ, nhiều người bị thương. Lính cảnh-sát bắn chết 2 người, 6 người bị thương.

Khi lính cảnh-sát đến tiếp ứng nhân dân kéo lại rất đông, vác khí-giới và bồ-cào đến đánh. Một viên cảnh-sát bị giết. Số người bị lính bắn chết không rõ là bao nhiêu. Chính-phủ đã phải tầu bay lượn qua các vùng có biến-động.

Hôm vừa rồi, Sir Stanly Jackson, Toàn-quyền xứ Bengale đang diễn-thuyết tại trường Đại-Học, bị một cô nữ-học-sinh tên là Bira Deva bắn luôn 5 phát súng lục, may không trúng phát nào. Cô Deva bị bắt ngay.

Hội-đồng lập-pháp xứ Bengale đồng-thanh bác bản dự-án thỉnh cầu ân-xá các tội-nhân chính-trị. Chính-phủ nhất định dùng phương-pháp cương-quyết, từ nay chỉ dùng súng giải-tán các đám biểu-tình.

VIỆC TRUNG-HOA

Ở Mãn-châu, quân Nghĩa-Dũng vẫn chiếm ưu-thế.... Người Nhật có ý lo rằng kế-hoạch tổ-chức chính-phủ Mãn-Mông sẽ bị thất-bại.

Quân Nhật tiến sang Cáp-Nhĩ-Tân bị bọn Đinh-Siêu đánh cho đại-bại ở Cát-Lâm, quân sĩ chết hại rất nhiều.

Ở Thượng-Hải, Nhật hoành-hành dữ, kéo đóng khắp dọc sông đến tận Nam-kinh. Quân hai nước bắn nhau dữ-dội ở Ngô-Tùng và ở Hạp-Bắc. Ngót hai chục máy bay Trung-Hoa đã bay về Nam-kinh. Chính-phủ Tàu định rời về Lạc-dương.

Các nước Mỹ, Anh, Pháp tỏ ý kháng-đối thái-độ Nhật và đã kéo chiến hạm đến bến Thượng-Hải.

Tôi nói dối Bà thì tôi làm kiếp....

— Bác Khóa ơi!

— Ơi! Ai gọi đấy?

— Ra ngõ tôi hỏi cái này.... U tôi bảo bác giả u tôi tiền đi. Bác ra Hà-nội buôn bán đắt hàng, u tôi không để cho chịu đâu.

— Ấy, chị cứ về đi, tôi toan lại đằng nhà bây giờ đây mà!

— Tôi không về, bác có giả thì bác bảo, không có u tôi đến, thì bác chẳng ra gì đâu, năm hết tết đến rồi.

— Gớm, có mấy đồng bạc mà làm như nặc-nô ấy. Chị cứ về trước đi, tôi ngần này tuổi đầu, chả nhẽ tôi lại nói dối à!

— Thế bác nói dối u tôi thì bác làm sao?

— Tôi nói dối bà thì tôi làm kiếp chó! Chị phải biết tôi phải giữ danh giá cho tôi nhiều chứ!

Mà bác Khóa Lan nói đúng đấy. Không bao giờ bác quên bác là thầy Khóa, cho nên không bao giờ bác làm những việc mà thầy Khóa không nên làm. Đại khái, đói thì nhịn, chứ quyết bác không chịu khi nào làm nhục nhà nho mà bán rẻ cho ông chủ báo nọ mỗi bài thơ bát cú là hai hào, gọi nhã là tiền nhuận bút! Giấy rách thì giữ lấy lề, mà cực chẳng đã lắm, năm đói trước bác mới phải gạt nước mắt mà bán thằng con đi lấy hai hào tám (1). Nhưng cũng vì việc bán con cho nên bác Khóa mới «nổi danh» là nghèo kiết, mà một người nghe đồn mới động lòng đón bác về dạy con học. Từ đó, cái số bát cơm nó chui vào trong bụng bác, tuy chỉ vừa vặn với cái số chữ nghĩa phải tuôn ra ngoài miệng mà thôi, nhưng cái óc không phải lo nghĩ, thì cái mặt cũng đỡ nhăn nhó lo buồn.

Nhưng, những cái chơi khoăm của số-phận bao giờ cũng hay bắt nạt bọn lép-vế, bởi vậy bác Khóa Lan vừa được tạm tha trong ít lâu đã bị nó «chuy» ngay lượt nữa. Nguyên là ông chủ nhà bác ngồi dạy học, rồi đến giữa năm,— bây giờ gọi là năm ngoái rồi,— ông chủ nhà bị một cơn ốm nặng, mà ba hôm sau ông chủ tạ thế, thì bà chủ cũng tạ thầy vậy.

Thế rồi đến tháng chạp, bác cố vay bà Lý-Tư mấy đồng bạc, tuy nó bóp lãi đến lè cổ ra đấy, nhưng được cái vốn để mua giấy, bút, mực rồi hấp tấp ra ngay Hà-nội, mở trước tiên ở phố Hàng Bồ một ngôi hàng câu đối tết.

Bởi vậy, từ hôm nọ, ta thấy bác ấy ngồi cù rù trên cái chiếu rải dưới mái hiên phố hàng Bồ, khoác cái chăn chiên, khoanh cái khăn sếp vào cánh tay, và nếu không khua ruồi hoặc bóc ghẻ, thì bác lại khoanh tay đặt trên hai gối bó rò, để kẻ cái má áp nghiêng xuống mà lắc la lắc lư cái lưng, như có ý trầm tư mặc-tưởng vậy. Khách nhà quê ra tỉnh sắm tết đông như đám hội, kẻ sách vài củ thủy-tiên, người mang giăm ba bánh pháo, mà khỉ quá,— ấy, năm mới, phỉ thui!— mà «khởm» quá, có cái đồ «nội-hóa» là câu đối, thì chả có ma nào nó hỏi, đến nỗi những tờ giấy đỏ cheo la liệt đằng lưng với hai bên cạnh sườn bác Khóa, nó cứ giẫy đành đạch ở trước ngọn bắc-phong!

Vì vậy, bao nhiêu câu đối ế, bác định ngày hăm tám, bác bán hạ giá đi tất cả, để mai, hăm chín, nhưng kể là ba-mươi, về nhà quê ăn tết. Nhưng thực trời chả thương bác tý nào, mờ mờ sáng hôm ấy, bác vừa treo xong hàng lên trên giây, thì ác quá, một trận mưa như trút nước giáng xuống, làm ướt cả giấy, nhòe cả chữ, rồi, vừa mới hong ra gió được một lát chưa khô, thì bất thình lình đến gần mười một giờ, ông ấy lại chơi cho trận nữa, mà chính trận mưa tình cờ này, tác giả đây cũng cùng bị cái nạn chung với bác Khóa, ở trước ngõ Tràng-An, cho nên cũng đoán hẳn rằng câu đối của bác ấy, tất là đi đời cả!

Chiều hăm chín, bác Khóa Lan vừa thò về đến đầu làng, họ đã khảo nhau, rồi đến ngõ réo ỏm tỏi lên đòi nợ.

Khất vừa chôi được món bà Nhiêu Đình, lại đến con Đĩ-Con nhà bác Khán Vy nó réo ngoài ngõ; rồi anh Xã Đan đến nói khó chịu vừa ra khỏi thì vợ lão Hương Quả đã gọi rầm rầm, làm um cả xóm, dậm dọa lôi thôi, mất cả giá-trị!

«Chẳng lẽ mình là đàn ông đàn ang, lại đi sinh sự với con đàn bà lắm miệng, vả chăng, lại là thầy Khóa, có học. Thôi thì túng bấn, ta chịu xử nhũn vậy, chứ mà vào cái thời buổi chữ nho còn thịnh như hai ba mươi năm về trước, thì, úi chào, sợ đếch gì đứa nào? Đồ chó!»

Ấy, nhà nho hay có lối nghĩ kiểu như thế đấy!

Lúc sầm tối, bác Khóa Lan đang nằm co trên phản, vắt tay lên chán mà ngẫm cái đời đáng chán như thế, thì bỗng cái tai bác đã rật nhồm cái lưng bác dậy:

— Ơi! Ai gọi gì đấy!...

Cái món nợ của bà Lý Tư này mà bác vừa thề làm kiếp chó ban nẫy mới là ngặt đấy. Bà ấy ghê gớm có tiếng ở làng; không những ông Lý Tư đã phải khom lưng dưới cái hung-hãn của bà ấy, mà người làng, kẻ nào có dính đến tiền nong, cũng đều sợ cái oai của con người mắt trắng, môi thâm ấy. Không trả xong thì khó mà yên

1. Xem mục **Xã-hội ba đào ký** trong A.N.T.C. số 12, bài **Hai thằng khốn nạn.**

được từ nay đến giao-thừa. Nhưng tiền đâu mà trả? Con bé vừa về, thì bác cũng xoay kế:

«Hay là ta tạm trốn quách đi xong? Nhưng trốn vào đâu?»

Nghĩ vậy, bác đứng phắt dậy, cuộn chiếc chiếu giấu ra đằng sau, gấp chiếc chăn xếp gọn lên xà nhà, mang bát hương với ba cái đài rượu xuống bếp vùi trong đống gio, rồi lên nhà, đương xoát lại xem còn gì đáng giá nữa hay không, thì ngoài cổng đã có tiếng gọi:

—Bác Khóa ơi!

Bác rật mình, vì chính là tiếng lão Lý Tư, cho nên không trả lời. Lách mắt nghé qua khe liếp, thì trời ơi, lão Lý chẳng đi một mình, lại kèm thêm cả người tuần nữa. Bác Khóa hoảng người lên, không biết họ định bắt mình hay sao?

—Bác Khóa ơi!

Thôi, trốn ra ngoài thì chậm mất rồi, nhưng, trông trước trông sau thì nhà chống hoác, trốn vào đâu? À phải rồi, chỗ trốn đây rồi, ẩn tạm đấy, chỉ khổ độ năm phút thôi.

—Bác Khóa ơi! ơ hay, sao mà không thưa thế?

Bác Khóa Lan thấy bọn họ vào. Mau! Mau! hỏng việc bây giờ! Bác Khóa giật vội cái chăn chiên, cuộn tròn vào người, rồi cố chui cho lọt vào cái cũi chó để ở xó buồng tối, khóa tách trốt lại.

—Ơ hay! không có nhà thực à?

Bác nằm phục-vị ở trong cũi, co coắp, im thin-thít, trống ngực thình thình, mồ hôi ứa ra như tắm, lắng tai để nghe. Tiếng gót chân nện xuống đất thình thịch, rồi tiếng xôn xao hỏi nhau.

—Tối quá, ông có riêm cho xin một cái...Ử, mà không có nhà thực.

—Nó lại đi trốn đâu đấy chứ gì? Nhưng chẳng nhẽ ta về không?

—Bà Lý đã dặn xem nhà nó có gì đáng giá thì bắt đem về mà?

Tiếng gót chân lại xa dần. Bác Khóa lỏ một mắt nhìn ra, thì thấy ông Lý và chú tuần đang soi khắp nhà. Soi chán rồi nói:

—Tiên-nhân nó! chả nhẽ đem mà đốt nhà đi, chứ chả có gì đáng nửa đồng kẽm!

Bác Khóa-Lan nằm trong cũi, thấy nó chửi, tức quá, hơi đầy đến cổ, nhưng chẳng nhẽ thò mồm ra mà chửi giả nó? Tuy nén dạ, nhưng bác cũng phát cáu mà trả lời thầm lại rằng:

—Tiên-nhân mày! hút màu mỡ người ta lắm, để làm ma bố mày à!

Rồi thấy chúng vào buồng, bác vội bịt kín cái chăn lại, nén ngực cố thở rõ khẽ, thì nghe thấy tiếng chân càng tới gần. Rồi thấy tiếng gậy đập vào cũi, tiếng nói:

—Hay là ta bê cái này về? Cả nhà nó chỉ có cái này đáng giá.

—Bê về làm gì?

—Mà rốt chó chứ làm gì?

—Trong cũi có gì không?

Riêm lại đánh sòe. Anh tuần nói:

—Quái, cái gì đen đen ấy, ông ạ, ờ, mà lại có khóa.

—Chú thử chọc xem cái gì?

—Cái chăn gói cái gì mà nhùn nhũn ấy!

—Thôi, mặc kệ, ta khênh về đi.

Bác Khóa-Lan cố phục-vị ở trong cũi, nhịn hơi từ nẫy đến giờ, mỏi quá; lúc họ đến, thì sợ quá, hóa quên cả đi, chỉ cố sao nằm được yên lặng mà thôi. Khi nghe họ bàn nhau khênh về, thì lo quá. Ấy mới nguy! Hay là mình nói dối thì làm kiếp chó thực? Mà làm kiếp chó đến bao giờ? Mai có chắc được ăn tết không? Hay là họ biết mình ở trong cũi mà dọa thế?

Nhưng mà họ khênh đi thực! Họ khênh bác đi, rập lên rập xuống, thịt cọ vào thang cũi, đau chói lên mà không dám kêu! Mà sao họ ác thế! họ đi nhanh quá, càng rập mạnh, đau không thể nói được! Nhất là mỏi quá, co-coắp đến hơn mười phút rồi, còn gì là người nữa! Mà càng nghĩ càng thấy mỏi! Lắm lúc muốn dâm mặt liều, thôi thì mày muốn làm tình làm tội gì thì làm, ông hãy giở mình một cái cho sướng đã! Nhưng đã liều sao không liều từ đầu? Thôi đành vậy.

Hai người lề-mề bê được đến nhà, giời đã tối mịt. Vừa đặt cái cũi lên trên bờ hè, ông Lý gọi bà Lý, có ý khoe-khoang lấy công mà rằng:

— U mày làm khổ tao với chú ấy tao đã bắt cái này về đây.

Bà Lý mừng lắm, soi đèn chạy ra, lưởng là cái gì, hóa ra cái cũi chó. Bà Lý giận đầy lên đến cổ, nổi trận lôi đình lên mà rằng:

— Khổ quá! Giời ơi là giờời! không biết người hay là ngợm mà rước cái này về làm giiii?

Nói đoạn, hung-hăng như con sư-tử cái thực hiệu, bà giơ thẳng chân, đạp một cái rõ mạnh, cái cũi từ trên hè lăn kềnh xuống sân; rồi bà hộc tốc lên một hồi, mắng chồng rầm-rĩ, những là ngu, suẩn, chán rồi nằm kềnh lên giường, hờ cha khóc mẹ.

Cái ngã không ngờ, làm cho bác Khóa đau điếng người đi. Nhưng bác thấy được dễ chịu hơn trước, vì tự-nhiên được giở mình lại.

Anh tuần thấy cái tấn kịch ghê gớm ấy diễn ra, muốn hạ màn ngay, bèn gọi ông Lý, để hỏi xem nên để cái cũi ấy ở chỗ nào, thì bà Lý quát:

— Quẳng mẹ nó vào chuồng lợn ấấấy!

Bác Khóa vừa được dễ chịu một tý, đã lại bị lật sấp phục vị như cũ, rồi vào nằm với lợn.

Một lúc, bác kéo chăn thò mặt ra ngoài, nhìn bốn bên, thấy im cả mới cựa đầu, vặn lưng, bẻ khục tay, chân, thở mạnh. Tuy được tự do hơn trước, song cái mùi chuồng lợn nó xông lên khó ngửi quá; nhất là mấy con lợn, cơ chừng muốn khoe là được sung-sướng hơn bác, nó cứ ụt-ịt châu đầu chung quanh bác mà nhìn, thỉnh thoảng lại thò mõm vào trong mà ngửi ngửi, hình như muốn biết rõ có phải đấy là một dàn mới hay không?

Cách độ một giờ, trên nhà êm tĩnh cả, bác mới tính đến nước đánh tháo. Ử, chả nhẽ cứ chịu giam cái thân quý hóa vào trong xà-lim mãi, bác bèn lấy thìa mở khóa cũi, rồi cố chui ra, lui lủi rón rén đi quanh bờ rào, chỉ sợ động chó nó sổ ra thì hỏng việc.

Bờ rào kín quá, không thể nào kiếm được một khe hở để lách ra được. Nhưng may lạ, chân lần lần từng bước, tay cứ sờ soạng các tre

nào, bác Khóa Lan sờ thấy một khe hở. Hết sức se-sẽ, bác cuộn hỏ cái chăn chiên đút ra ngoài trước, rồi nằm ép người xuống sát đất, lách thò cái đầu, lựa vai vươn hai cánh tay sang, rồi, hai chân co lại đạp nhoài một cái, bác đã bò hẳn ra đến đường cái.

Rồi ông Kha-Luân-Bố đặt bước chân thứ nhất lên đất Mỹ-châu, bác Khóa Lan khoái chí ôm chăn đứng dậy, vươn vai, vặn lưng, thấy nở nang cả gân cốt. Nhưng muốn cẩn thận, trước khi đi, bác cúi xuống ròm lại lỗ hàng rào vừa chui ra, xem có vết tích gì mới không. Thì ra may quá, không, bởi vì lỗ ấy vẫn là lỗ cũ chui được, lỗ ấy mọi khi vẫn là cái cửa ra vào riêng của con chó nhà ông Lý vậy!

Nguyễn-công-Hoan



Anh em nhà quê

từ nay hết sợ bị mắc lừa

Có điều gì oan ức? Có cần biết việc gì chưa hiểu rõ?

Cố tìm cho được sở **Cố vấn pháp luật** số 16 phố Há-Trung (ngõ Trạm cũ) Hanoi.

Tổng giám đốc Joseph **Trần-Đình-Trúc** *Luật-khoa cử-nhân trường Cao-đẳng Paris.*

Sở ấy cũng nhận tiếp những người nào muốn lo việc với trạng sư Tây.

(Hỏi pháp luật và nhờ cắt nghĩa hộ việc mình cho Trạng-sư Tây hiểu đầu đuôi để dễ cãi đều không phải giả tiền).

1. — Nhận đòi hộ công nợ, làm các đơn từ, văn tự mua bán bất động-sản, giấy hợp đồng, giấy lập hội, tờ chia gia-tài v. v. . .

2. — Thay quyền cho các nhà buôn, giúp việc kế toán, giậy làm quảng cáo theo kiểu Hoa-kỳ.

3. — Quản-lý nhà cho thuê và đồn-điền, giúp việc người nghèo không tính tiền.



Đọc đến ba tên Samarcq, Fleutôt, Roumengous ở T. C. H. hẳn không ai còn lạ. Từ năm 1912, hội T. C. H. vẫn nắm chặt giải Peyroux. Nhưng năm nay, ba tay kiện-tướng Dương, Giáo, Bính đã rật lại cho hội C. S. A. giữ.

Ảnh trên nhà vô địch đứng giữa, Giáo đứng sát bên, còn Bính đứng bên kia lưới.

Cl. A. N.



Nhật-Hoàng S. M. Hiro-Hito là một nhà bác-học đã từng phát-minh ra mấy thứ vi-trùng, đến khánh-thành viện Khoa-Học và Phát-Minh ở Đông-Kinh; cách cử-động rất tự-nhiên như một người bình-dân vậy.

Cl. A. N.

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi,
xướng - xuất và tán - thành
các công việc bổn phận
của Nữ - giới.



Chủ - nhiệm : Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA

Báo-Quán : 11 - 13, Phố sông Tô - Lịch — Hanoi

DIRECTEUR PROPRIÉTAIRE :

ĐINH - BƯỞI

RIZERIE MODERNE

Livraison à domicile à
toutes quantités et qualités

70, Rue des Tubercules — Hanoi

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Tauc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hano